

LỜI MỞ ĐẦU

- ✓ Tính cấp thiết của đề tài

Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa kinh tế to lớn, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn trong kinh doanh để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất với chi phí thấp nhất. Tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phục vụ cho công tác quản lý chi phí chưa hoàn thiện. Do đó, đề tài *Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng* cần được nghiên cứu một cách khoa học.

Qua thời gian thực tập tại **Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**, em đã tìm hiểu về thực tế tổ chức công tác kế toán và nhận thấy tổ chức tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của **Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng** còn hạn chế nên công tác kế toán chưa cung cấp được đầy đủ thông tin phục vụ công tác quản lý chi phí kinh doanh.

Xuất phát từ thực tế trên, em đã mạnh dạn chọn đề tài: *“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng”* làm đề tài nghiên cứu khoa học. Thông qua kết quả nghiên cứu này, em hy vọng sẽ góp phần giúp chi nhánh công ty có thể hoàn thiện hơn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh .

- ✓ Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

✓ Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại **Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.**

Không gian: Tại **Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**

Thời gian: Bắt đầu từ ngày 01/04/2013. Kết thúc ngày 30/07/2013.

✓ Phương pháp nghiên cứu

-Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp

- Phương pháp chuyên gia

✓ Đóng góp của đề tài nghiên cứu

Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

- Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh. Đây là một hướng nghiên cứu mới cho các đề tài tốt nghiệp ngành Kế toán- kiểm toán.

- Là tài liệu tham khảo cho sinh viên khoa Quản trị kinh doanh.

Những đóng góp liên quan đến phát triển kinh tế: Các giải pháp đưa ra trong đề tài nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại **Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng .**

Kết cấu của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

Với những nền tảng kiến thức và kinh nghiệm thực tế quý báu mà các thầy giáo, cô giáo trường ĐHDL Hải Phòng tận tình truyền đạt cùng với sự hướng dẫn tận tình của cô giáo – Ths.Trần Thị Thanh Phương và các cô, chú đang công tác tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng đã giúp em hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học này đúng thời hạn và nội dung quy định. Tuy nhiên do kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên đề tài nghiên cứu khoa học của em khó tránh khỏi có những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy giáo, cô giáo để đề tài nghiên cứu khoa học của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chúc các thầy cô giáo cùng các cô chú làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng dồi dào sức khỏe, thành công và hạnh phúc trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2013

Sinh viên

Hoàng Thị Liên

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

✓ Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

✓ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

✓ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.2 Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Khái niệm

✓ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

✓ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);

✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;

✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

✓ Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

✓ Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

✓ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

✓ Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

✓ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

➤ **Các phương thức bán hàng:**

✓ *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

- Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

- Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường

xuân của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

✓ *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

✓ *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

✓ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

✓ *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

✓ *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

✓ Hóa đơn GTGT (đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

✓ Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

✓ Hợp đồng kinh tế

✓ Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng

✓ Các chứng từ liên quan khác

➤ **Tài khoản sử dụng:**

✚ TK511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 5 tài khoản cấp 2:

✓ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

✓ Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

✓ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

✓ Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

✓ Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản

✓ Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

▪ *Kết cấu tài khoản 511*

Nợ	TK511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 511 không có số dư cuối kỳ

TK512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ”

➤ **Khái niệm**

Doanh thu bán hàng nội bộ phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

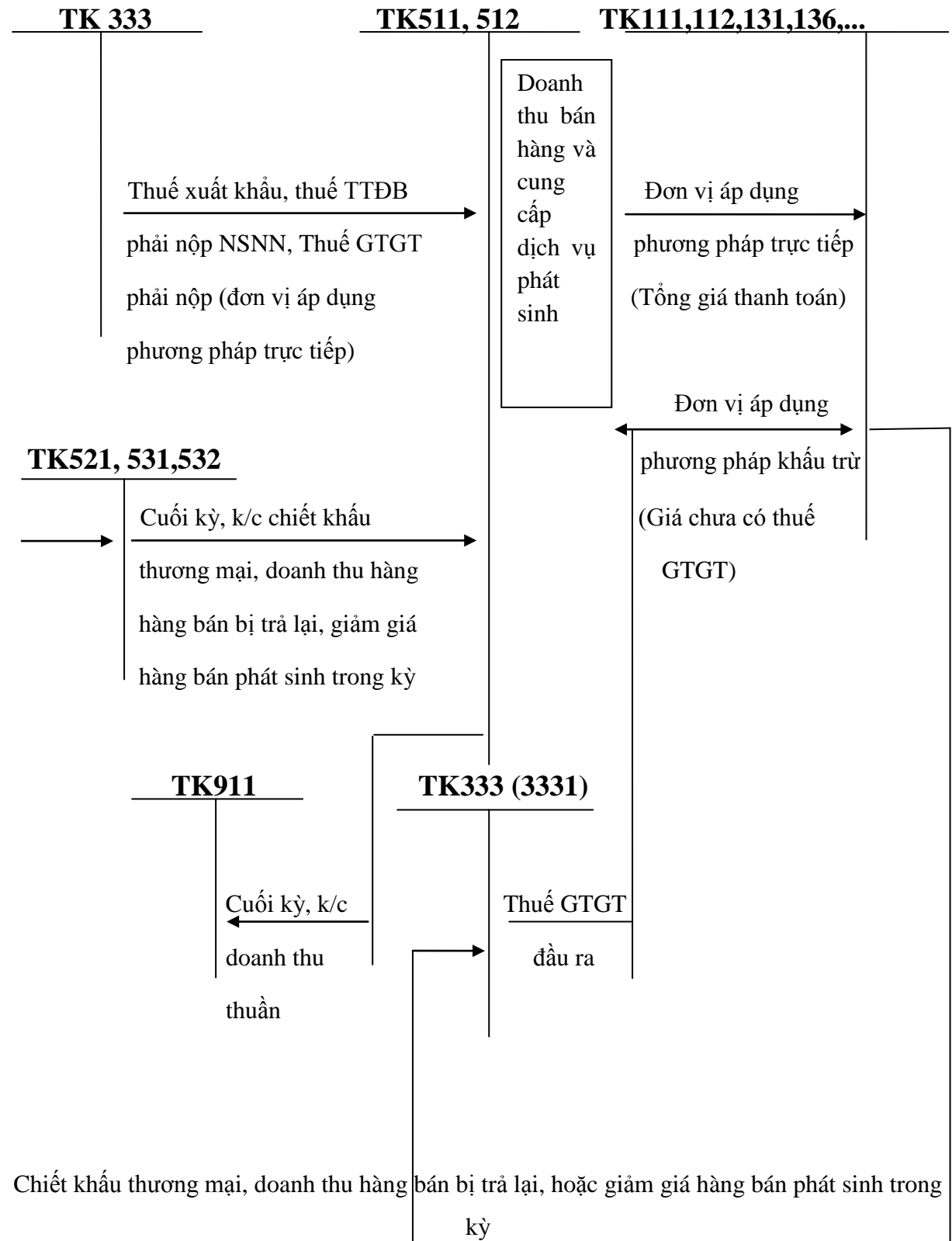
- ✓ Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- ✓ Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- ✓ Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - *Kết cấu của tài khoản 512*

Nợ	TK512	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã được chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng bán dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;- Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK911 – “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.		<ul style="list-style-type: none">- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

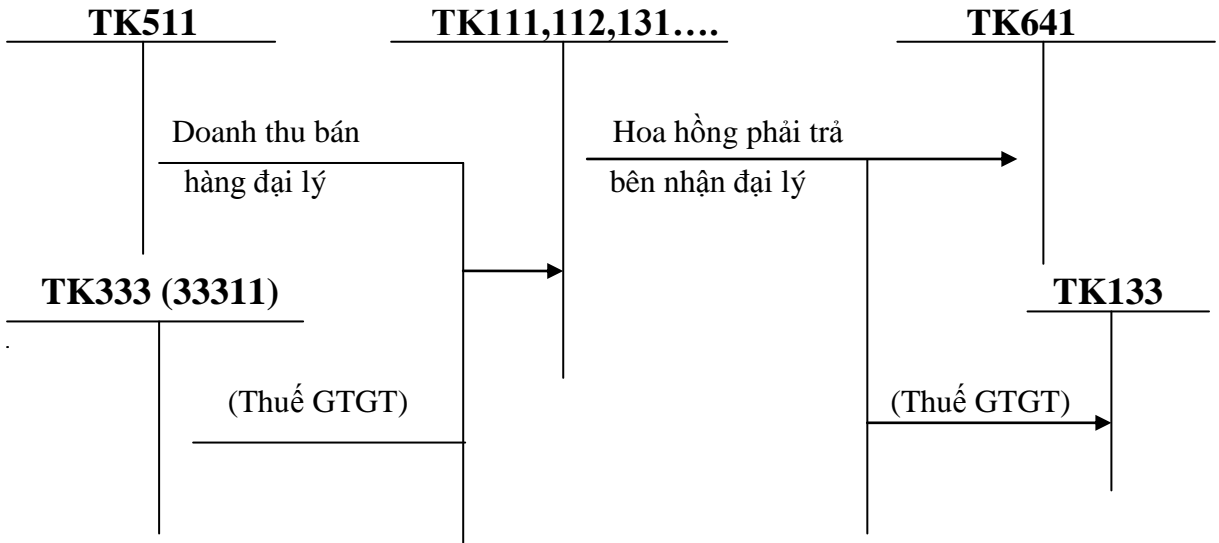
TK 512 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán:

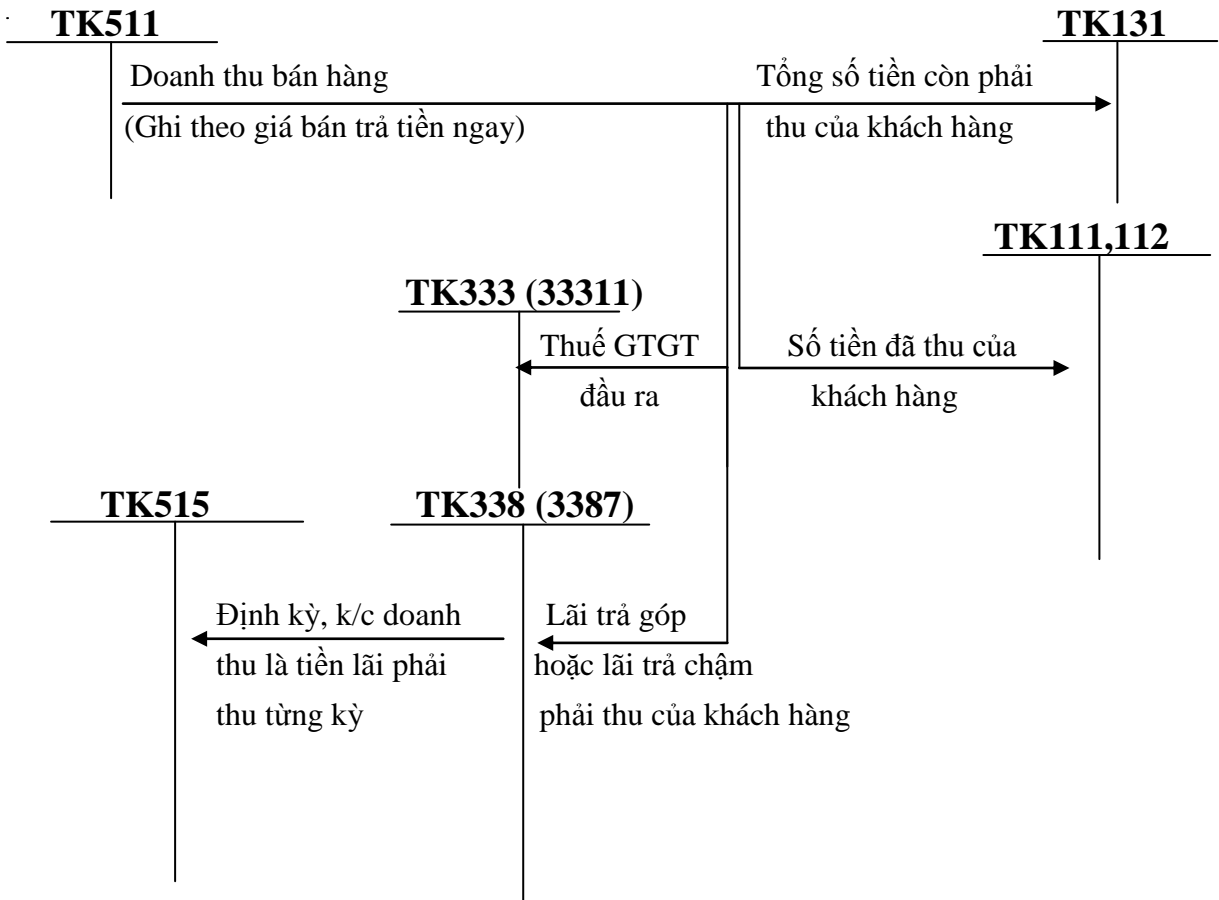
Sơ đồ 1.1 Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



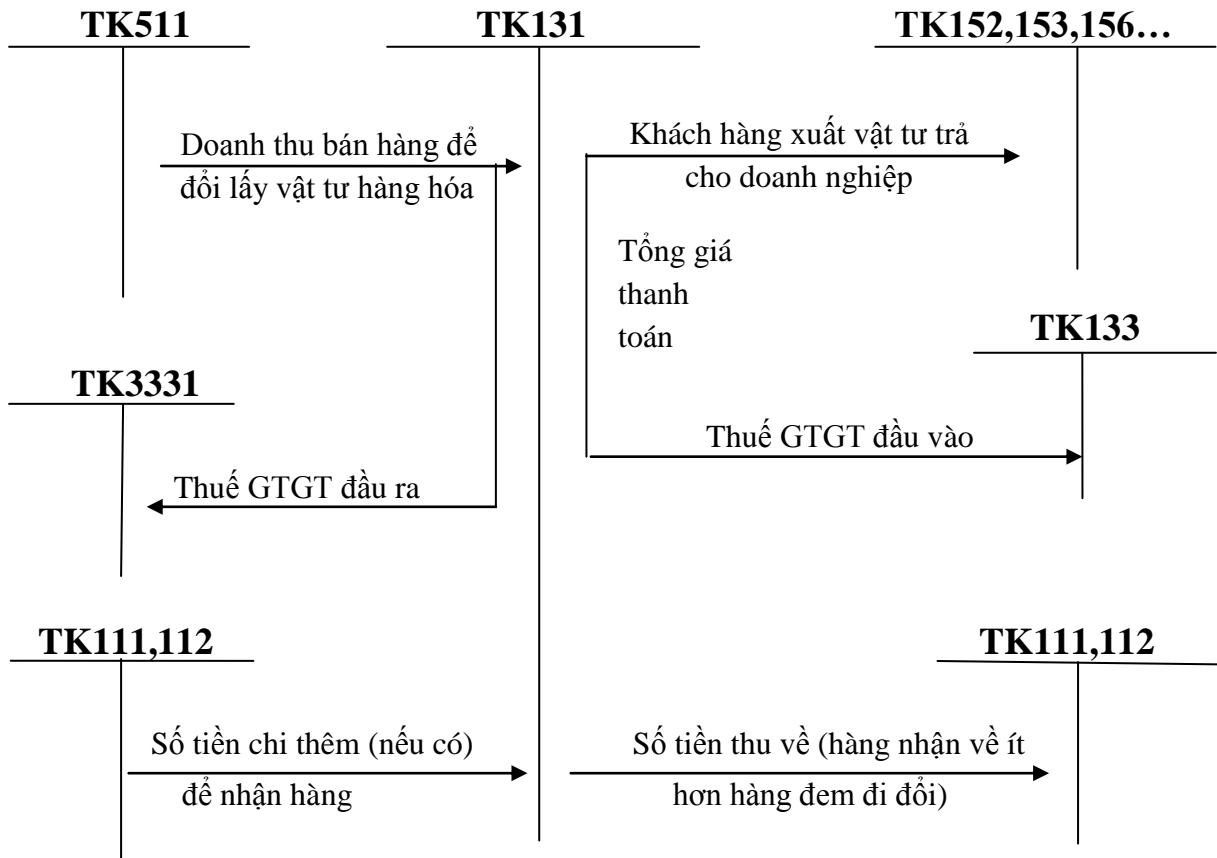
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



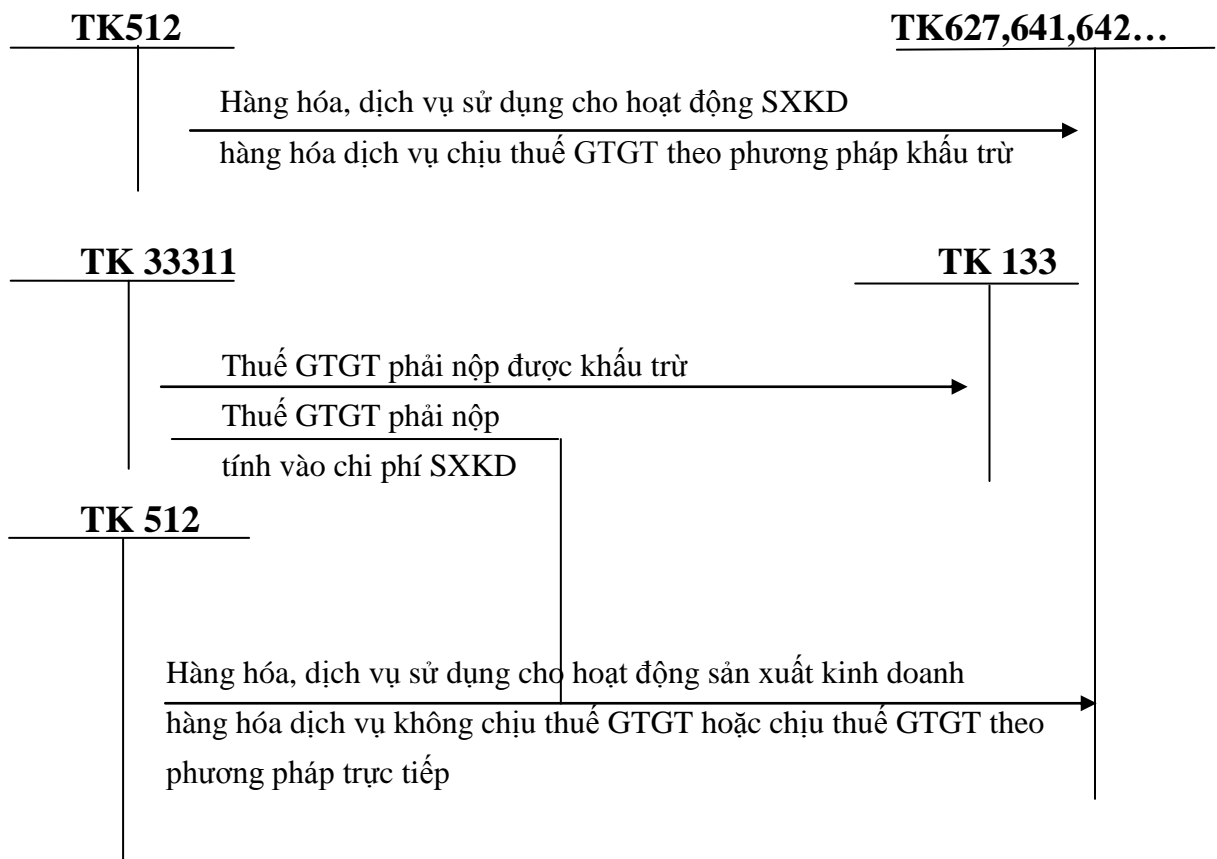
Sơ đồ 1.3 Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.4: Kết toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Kết toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Khái niệm**

Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu và tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

✓ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ;...

✓ Cổ tức lợi nhuận được chia;

✓ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

✓ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

✓ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

✓ Lãi tỷ giá hối đoái;

✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

✓ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

✓ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác;

➤ **Chứng từ sử dụng**

✓ Giấy báo lãi

✓ Giấy báo có của ngân hàng

✓ Bản sao kê của ngân hàng

✓ Phiếu kế toán

✓ Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

TK515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

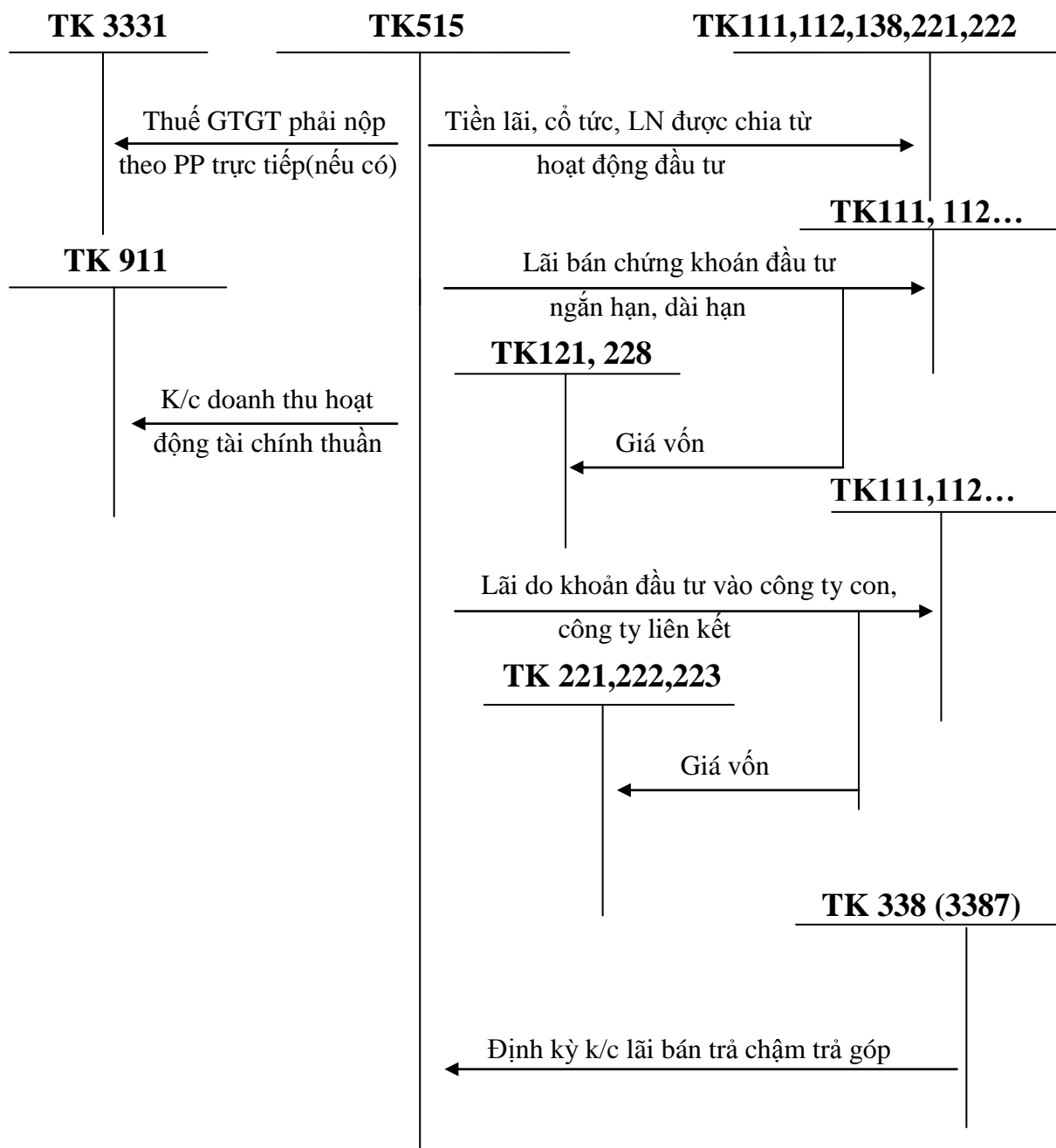
▪ *Kết cấu của TK515:*

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

➤ Khái niệm

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- ✓ Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- ✓ Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

- ✓ Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- ✓ Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- ✓ Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoãn lại;
- ✓ Các khoản tiền thưởng của khách hàng;
- ✓ Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- ✓ Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

➤ **Tài khoản sử dụng**

TK711” Thu nhập khác”

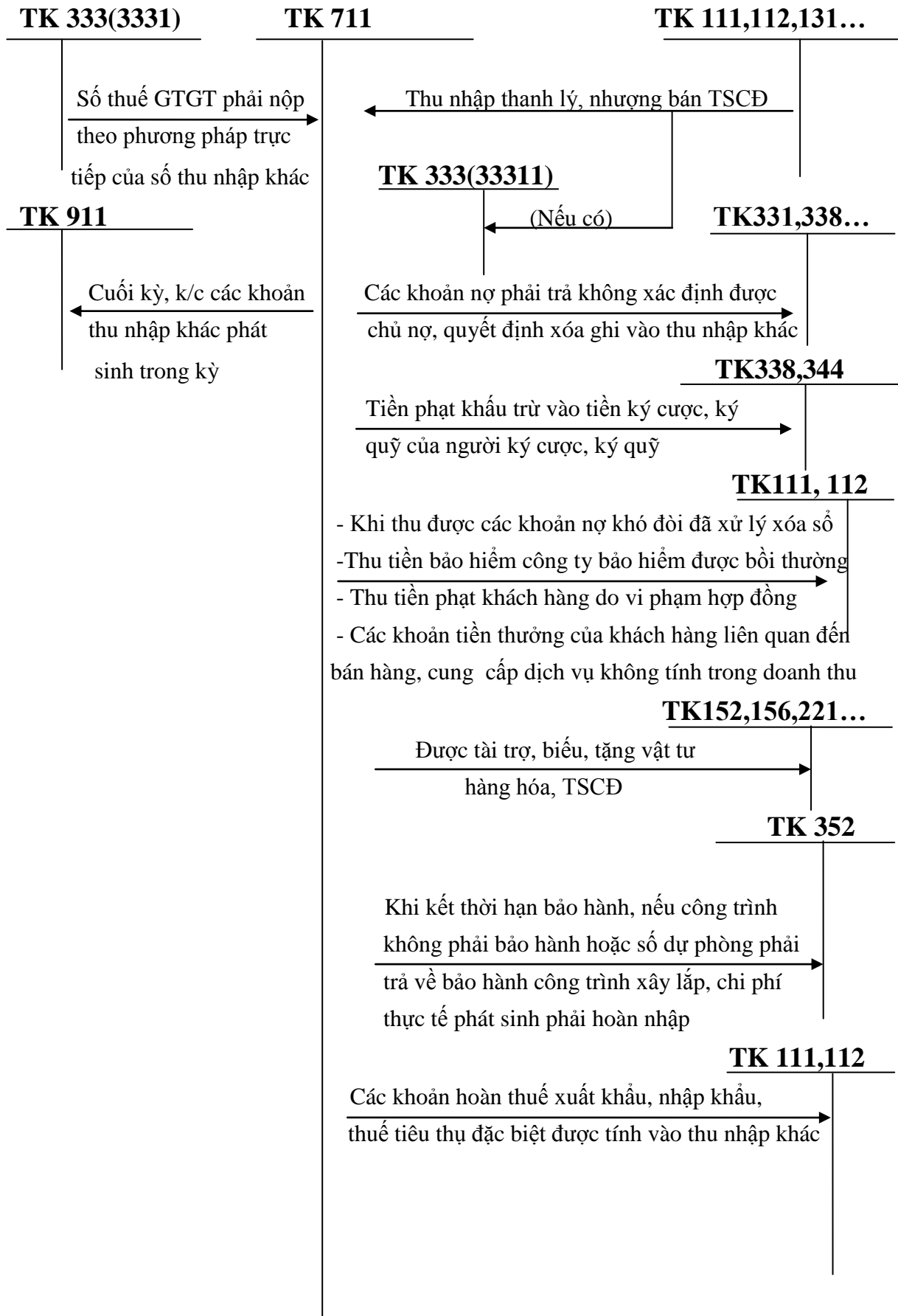
- *Kết cấu của tài khoản 711*

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911” Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác



1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Khái niệm**

✚ **Chiết khấu thương mại**

✓ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

✓ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

✓ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

✚ **Hàng bán bị trả lại**

✓ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

✓ Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (Nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (Nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

✚ **Giảm giá hàng bán**

✓ Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✚ **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

✓ Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

✓ Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra} - \text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}$$

➤ **Chứng từ sử dụng**

- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- ✓ Hợp đồng mua bán
- ✓ Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- ✓ Các chứng từ liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng:**

• **Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”**

▪ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

- ✓ Tài khoản 5211 – Chiết khấu hàng hóa
- ✓ Tài khoản 5212 – Chiết khấu thành phẩm
- ✓ Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ

▪ *Kết cấu của TK521*

Nợ	TK521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

- **TK 531 “ Hàng bán bị trả lại”**

- *Kết cấu của TK531:*

Nợ	TK531	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu của hàng bị trả lại hoặc phát sinh trong kỳ sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

- **TK532: “Giảm giá hàng bán”**

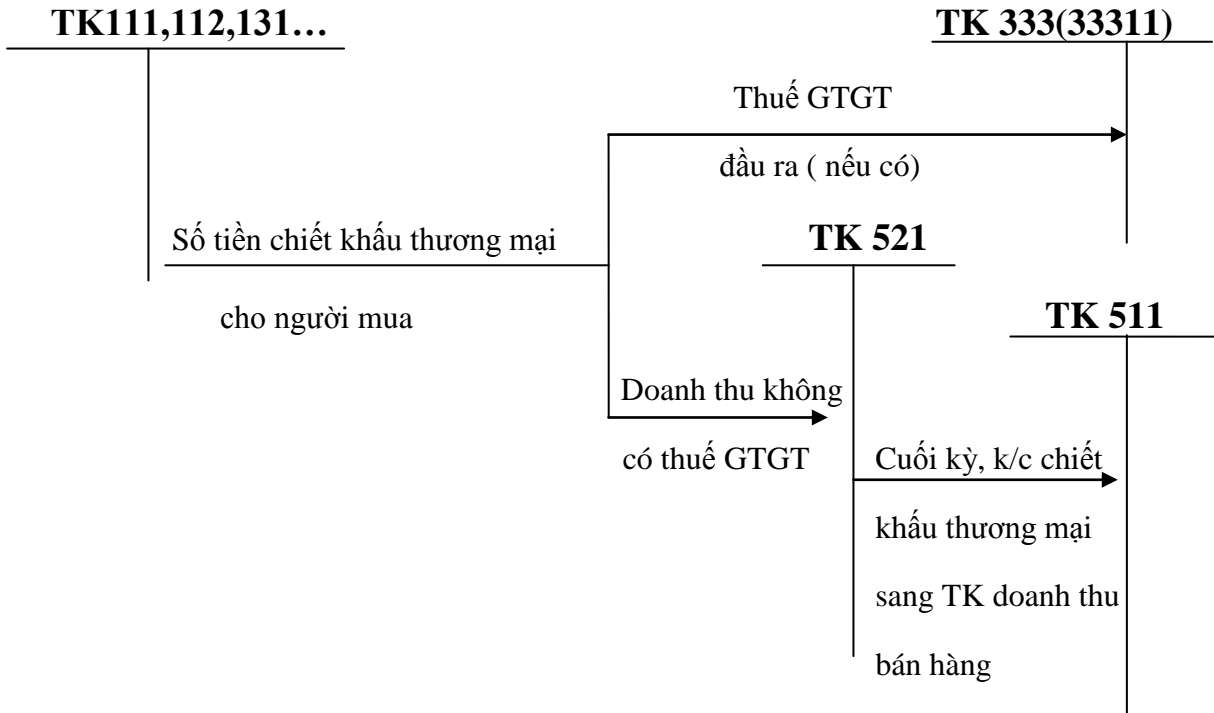
- *Kết cấu của TK532*

Nợ	TK532	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

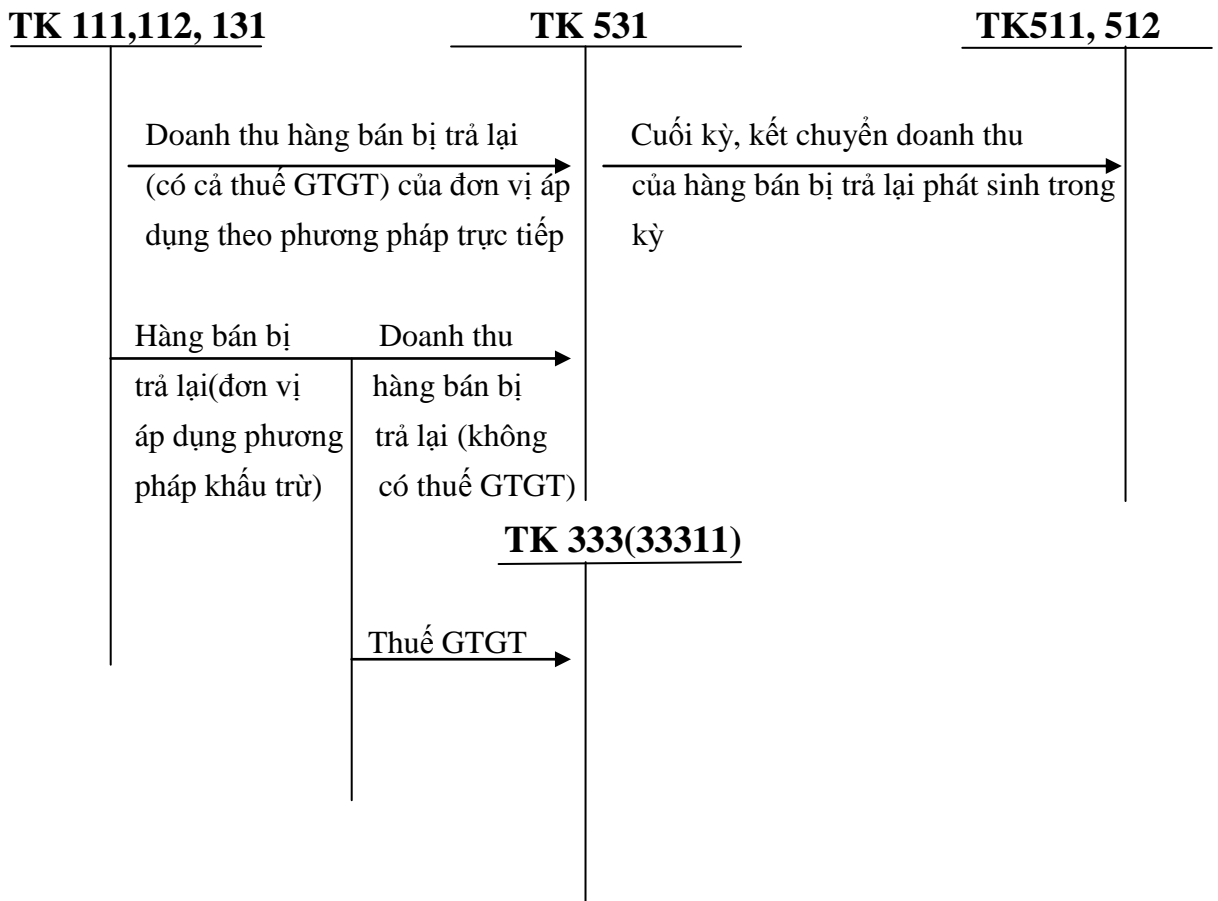
TK 532 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

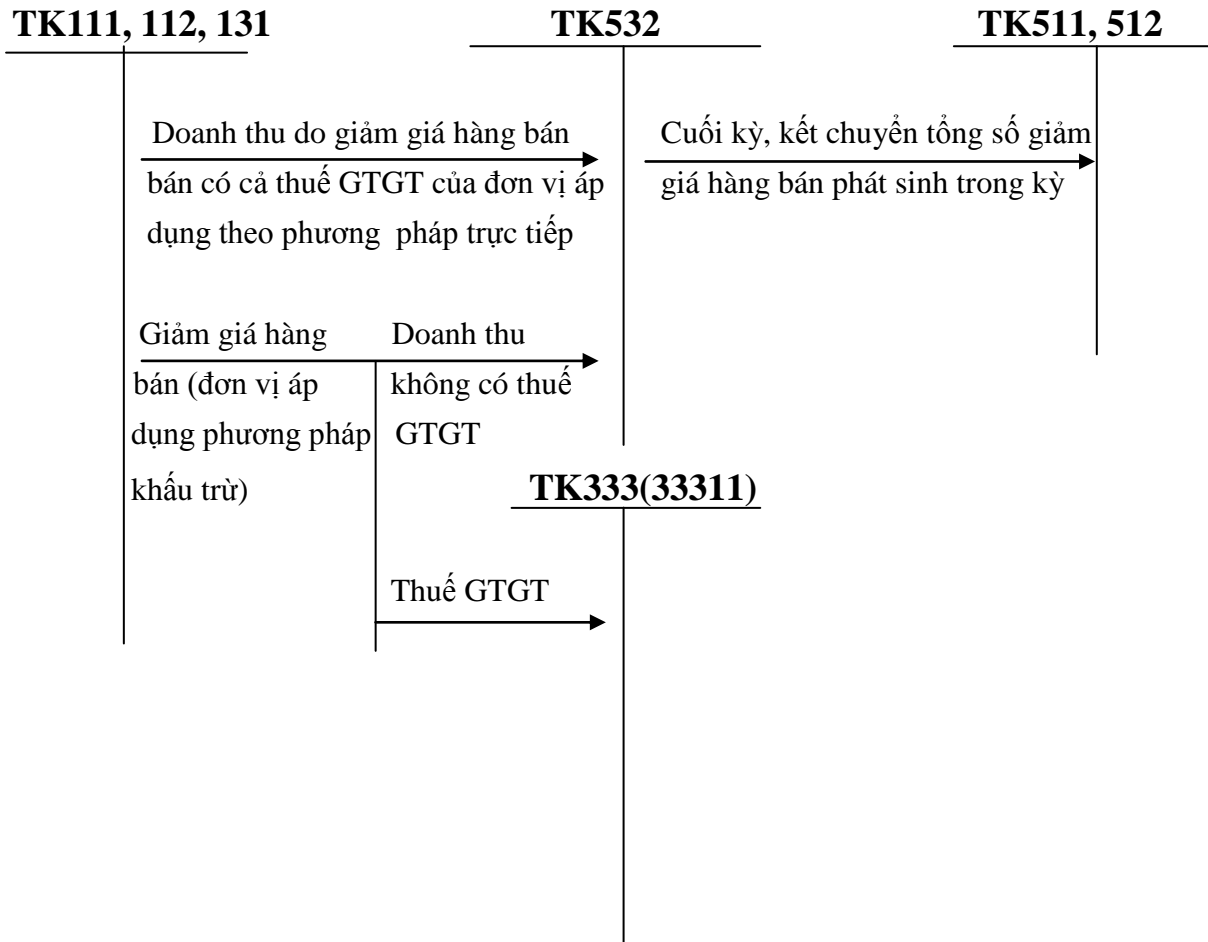
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.2.2 Tổ chức kế toán chi phí

Khái niệm

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Khái niệm

Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên

quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

➤ Phương pháp bình quân gia quyền:

- ✓ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

☞ Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

- ✓ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

☞ Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

➤ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

➤ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính

theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

➤ *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

✚ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

① Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Kết cấu nội dung TK632:*

Nợ	TK632	Có
<p>Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ; - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. <p>Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; - Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; - Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; - Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; - Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có	

TK 632 không có số dư cuối kỳ

② Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

✓ *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 – “Mua hàng”*

Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã nhập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK911.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

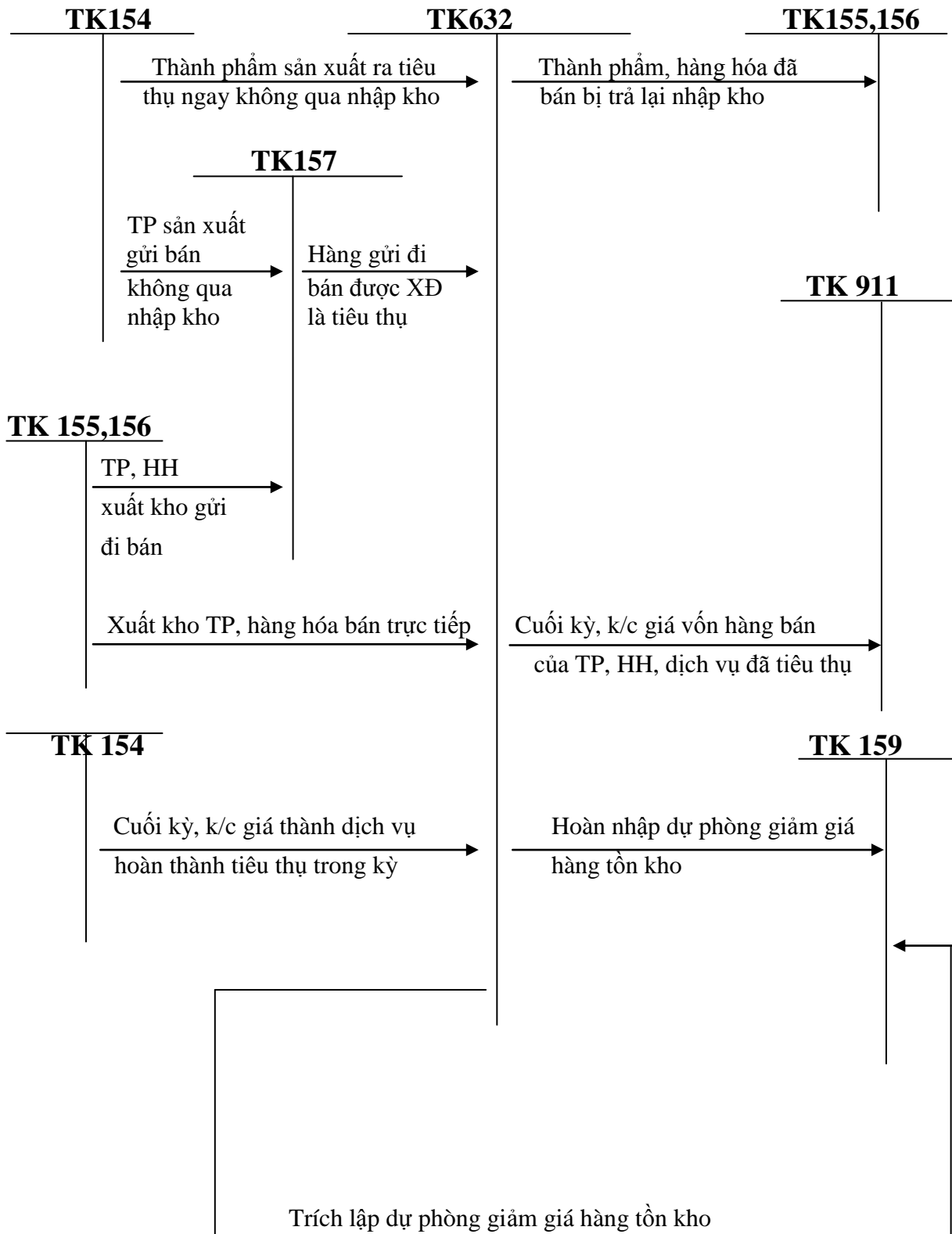
➤ *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 – “Giá thành sản xuất”*

Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết); - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK155; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - K/c giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK911.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

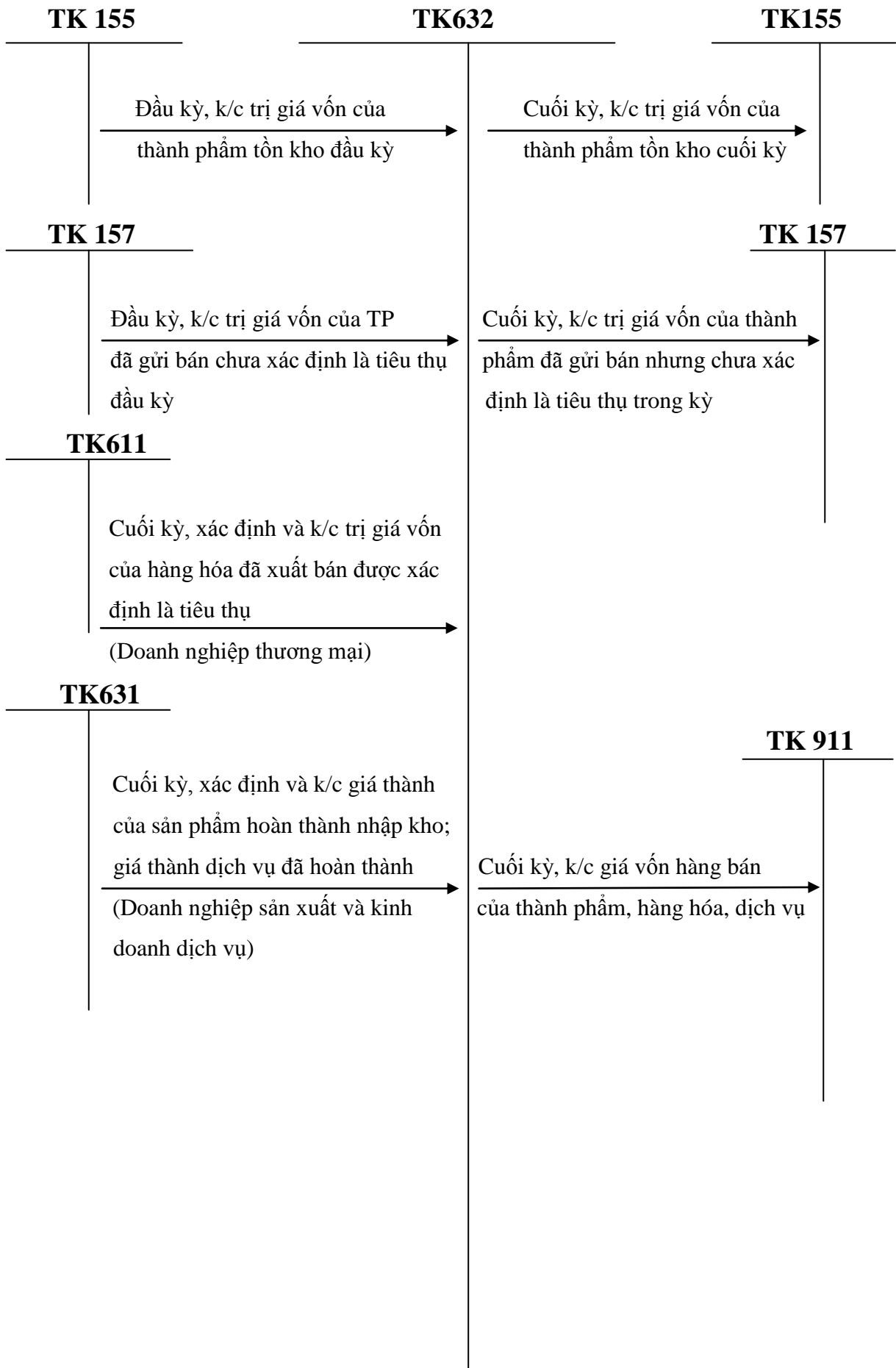
TK 632 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.12: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Khái niệm

✓ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thu; phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chứng từ sử dụng:

- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- ✓ Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)
- ✓ Phiếu chi (Mẫu số 02 – VT)
- ✓ Giấy báo nợ của ngân hàng

Tài khoản sử dụng:

- **TK 641 “Chi phí bán hàng”**
 - Các TK cấp 2:
 - ✓ TK6411 – Chi phí nhân viên
 - ✓ TK6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
 - ✓ TK6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - ✓ TK6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
 - ✓ TK6415 – Chi phí bảo hành
 - ✓ TK6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - ✓ TK6418 – Chi phí bằng tiền khác

- **TK 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

- Các TK cấp 2:

- ✓ TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- ✓ TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- ✓ TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- ✓ TK 6424 - Chi phí khấu hao tài sản cố định
- ✓ TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- ✓ TK 6426 - Chi phí dự phòng
- ✓ TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- ✓ TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

- *Kết cấu của TK 641*

Nợ	TK641	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

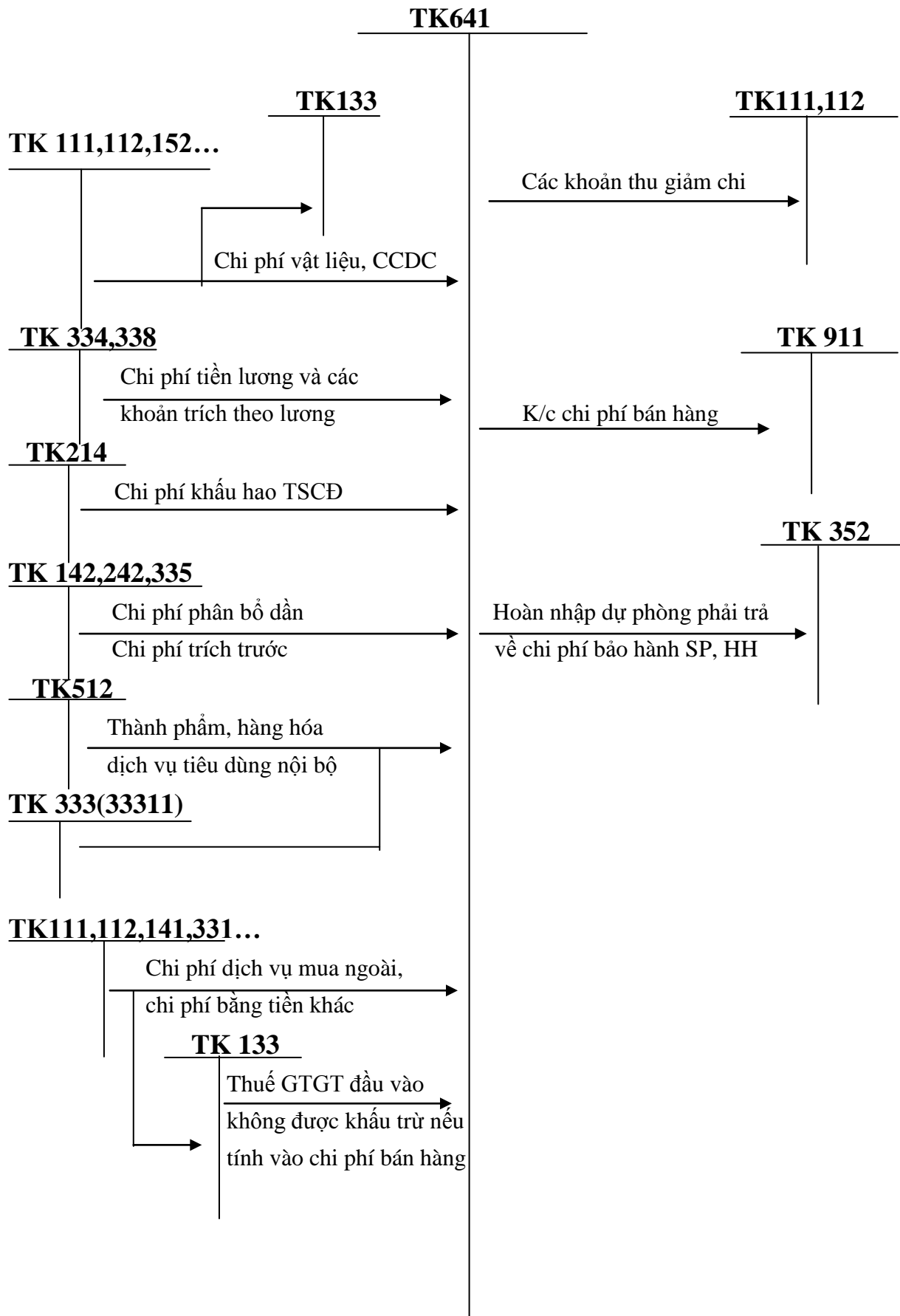
- *Kết cấu của TK642*

Nợ	TK642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập trước kỳ chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

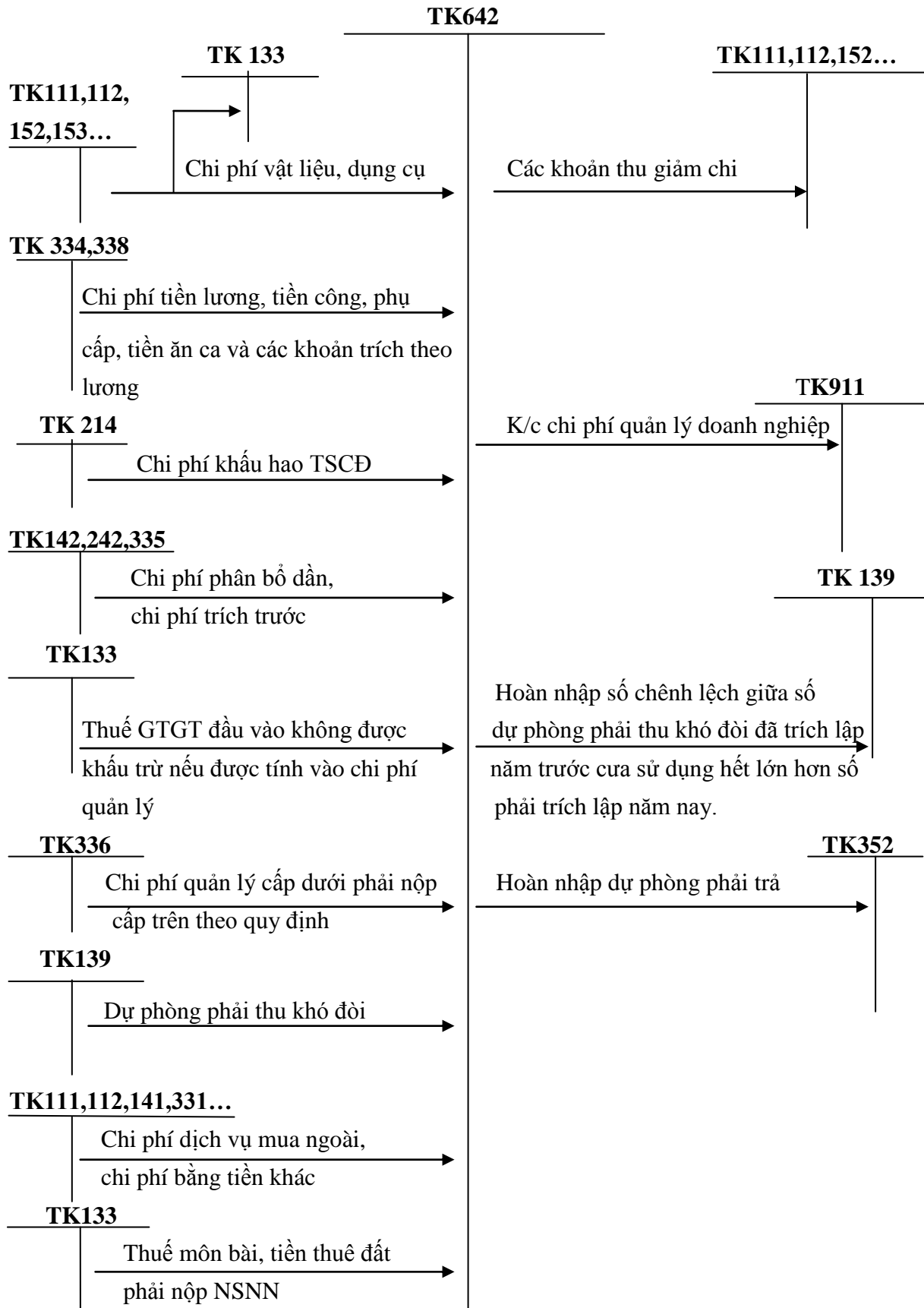
TK 642 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

Khái niệm

Chi phí hoạt động tài chính: Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

Chứng từ sử dụng:

- ✓ Giấy báo nợ của ngân hàng
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

- **TK635: Chi phí tài chính**

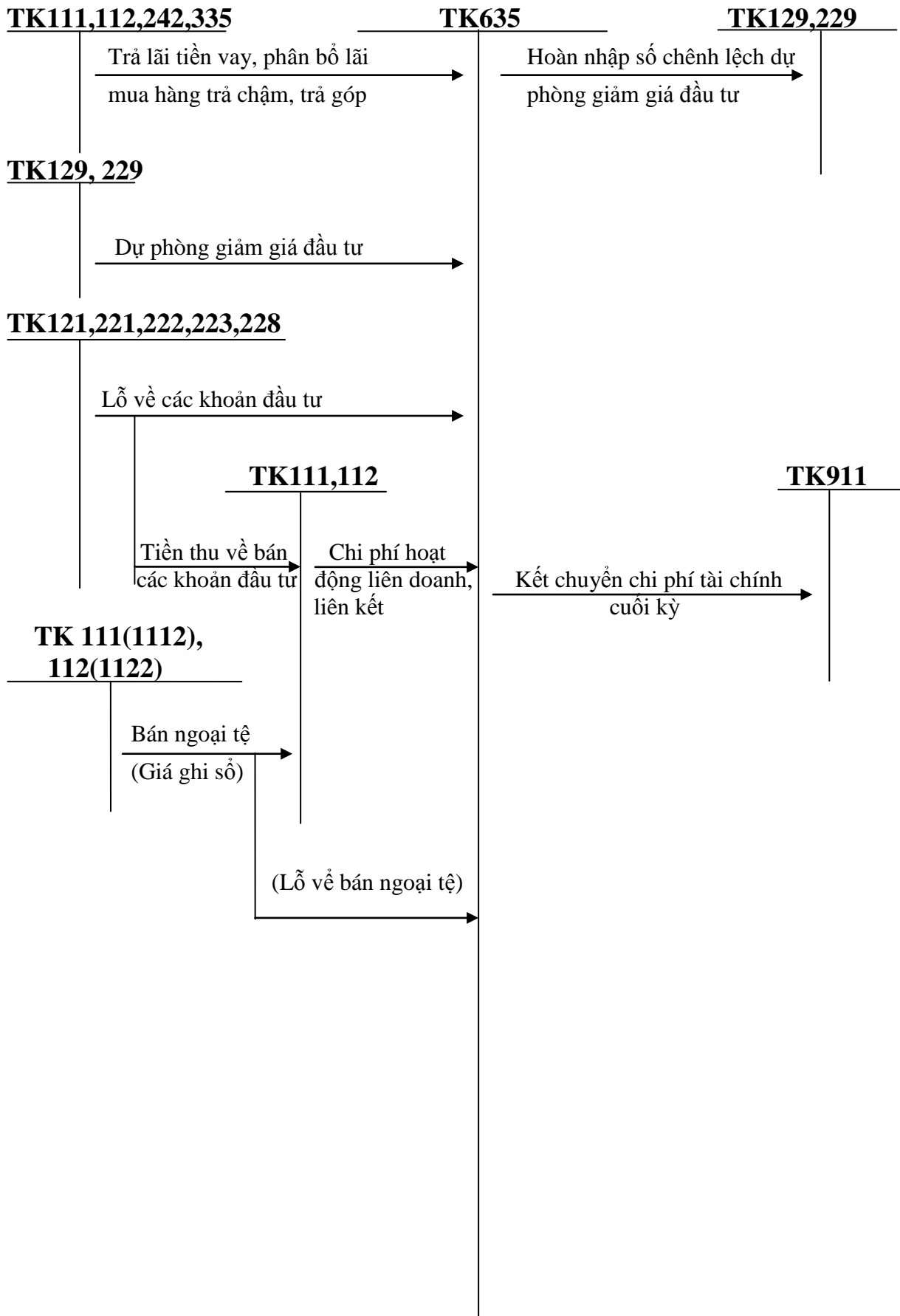
▪ *Kết cấu của TK635*

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí tài chính



1.2.2.4 Kế toán chi phí khác

Khái niệm

Chi phí khác: Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- ✓ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- ✓ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- ✓ Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- ✓ Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- ✓ Các khoản chi phí khác

Chứng từ sử dụng:

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng

- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

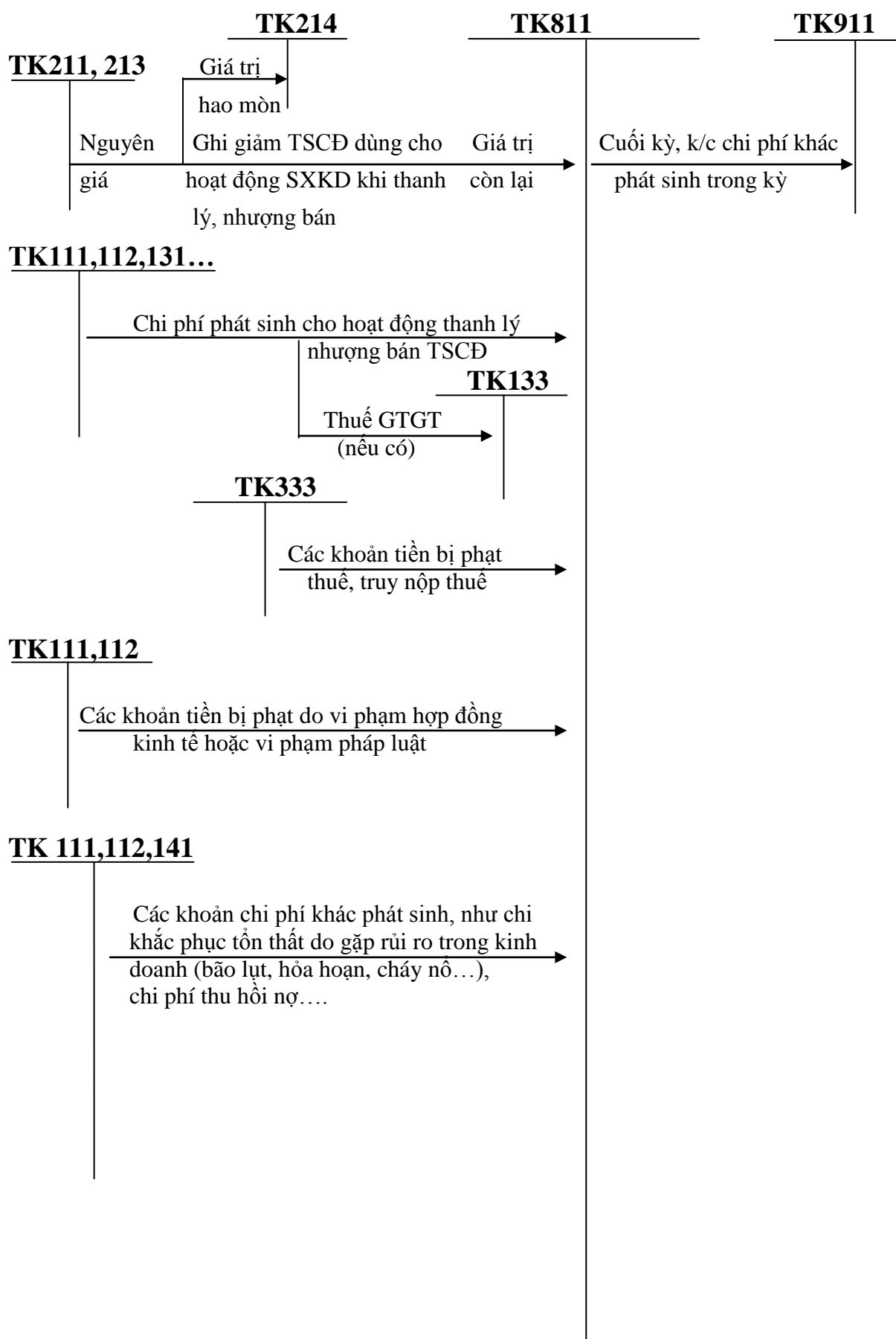
- *Kết cấu TK 811:*

Nợ	TK811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí khác



1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Khái niệm

✓ **Thuế thu nhập doanh nghiệp** là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

✓ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm** chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện tại.

✓ Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \frac{\text{Thuế suất thuế TNDN}}{100}$$

Chứng từ sử dụng:

- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng

- TK821” Chi phí thuế TNDN”

▪ *Kết cấu của TK821 như sau:*

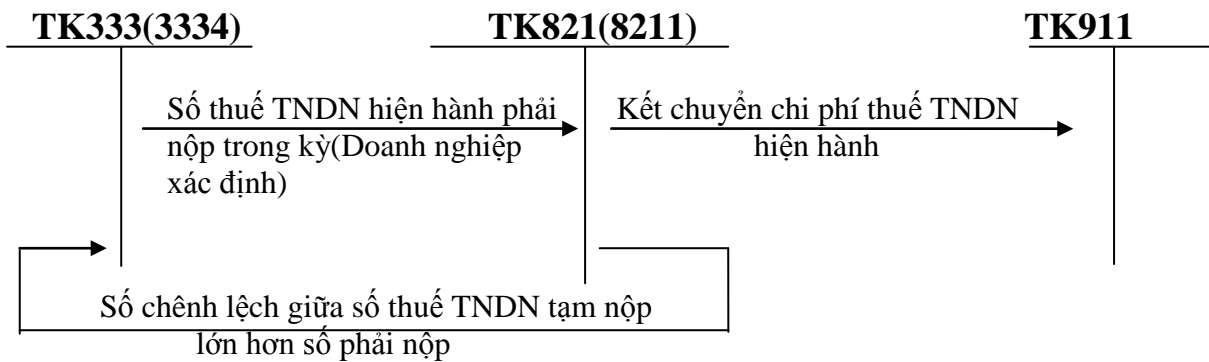
Nợ	TK821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 –“Chi phí thuế TNDN hoãn lại “lớn hơn số phát sinh bên nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên có tài khoản 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK911.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

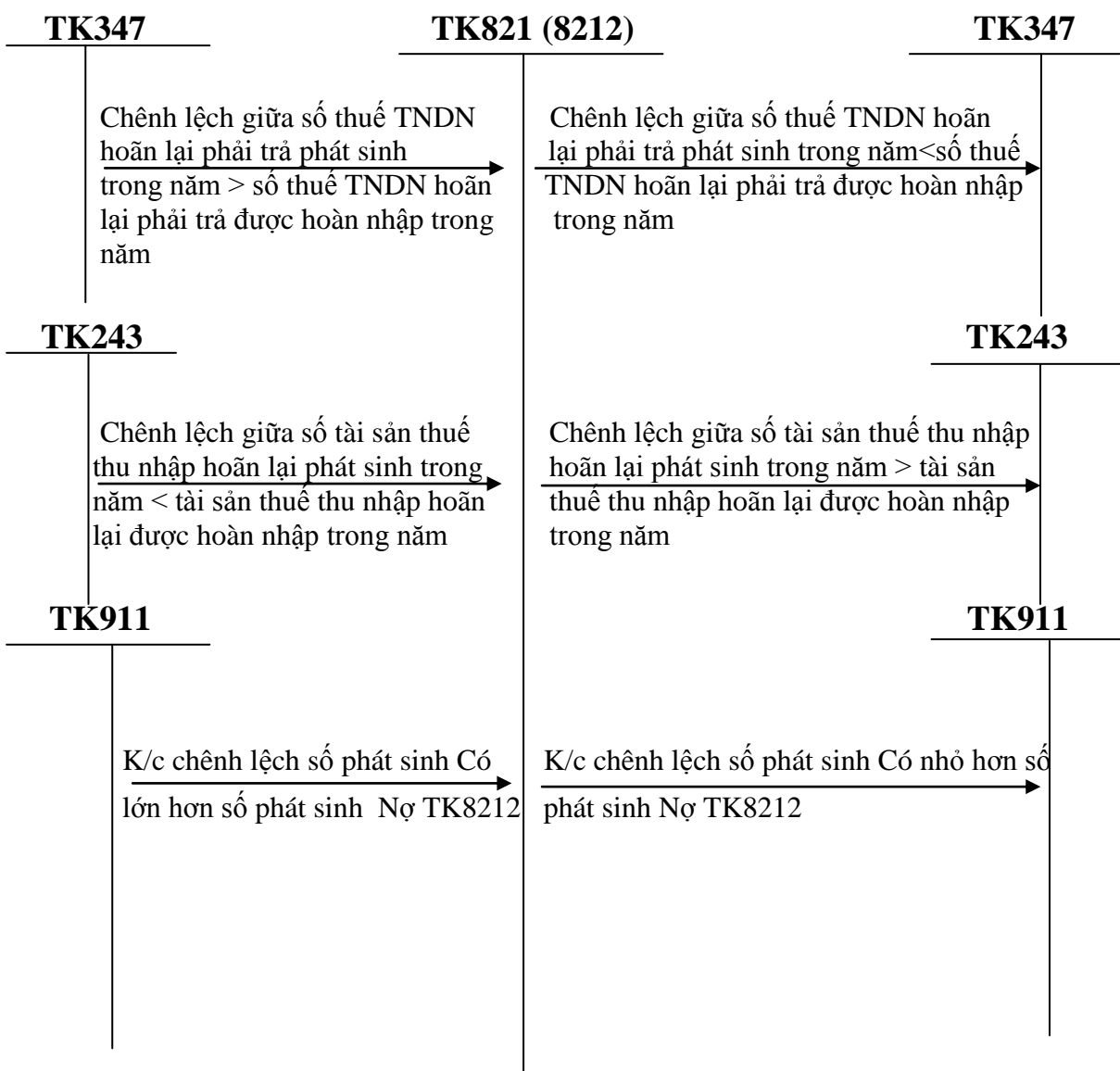
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN, có 2 tài khoản cấp 2:
- ✓ Tài khoản 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- ✓ Tài khoản 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

➤ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Khái niệm

✓ **Kết quả hoạt động kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

✓ **Hoạt động sản xuất kinh doanh** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

✓ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

✓ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

➤ *Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:*

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý DN
--	---	--	---	---------------------	---	------------------------	---	-----------------------

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	---	---	---------------------------------

+ Kết quả hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
--------------------------------	---	----------------------------------	---	-------------------

+ Kết quả hoạt động khác:

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

+ Chứng từ sử dụng

✓ Phiếu kế toán

+ Tài khoản sử dụng

➤ **TK911” Xác định kết quả kinh doanh”**

TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

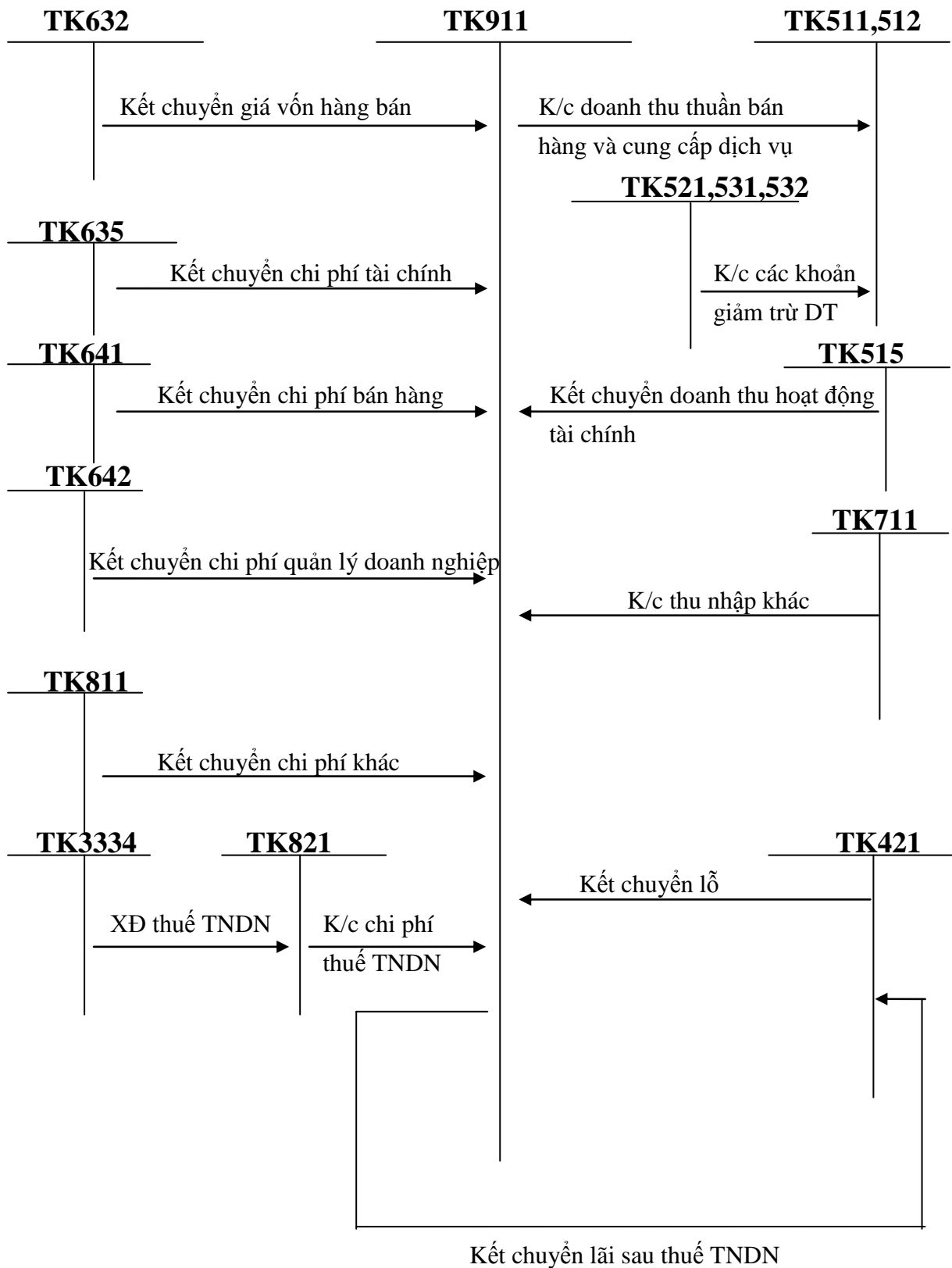
▪ *Kết cấu của TK911 như sau:*

Nợ	TK911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí hoạt động tài động tài chính, chí phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;		- Doanh thu hoạt tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;		- Kết chuyển lỗ.
- Kết chuyển lãi.		
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

▪ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh




1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...
- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

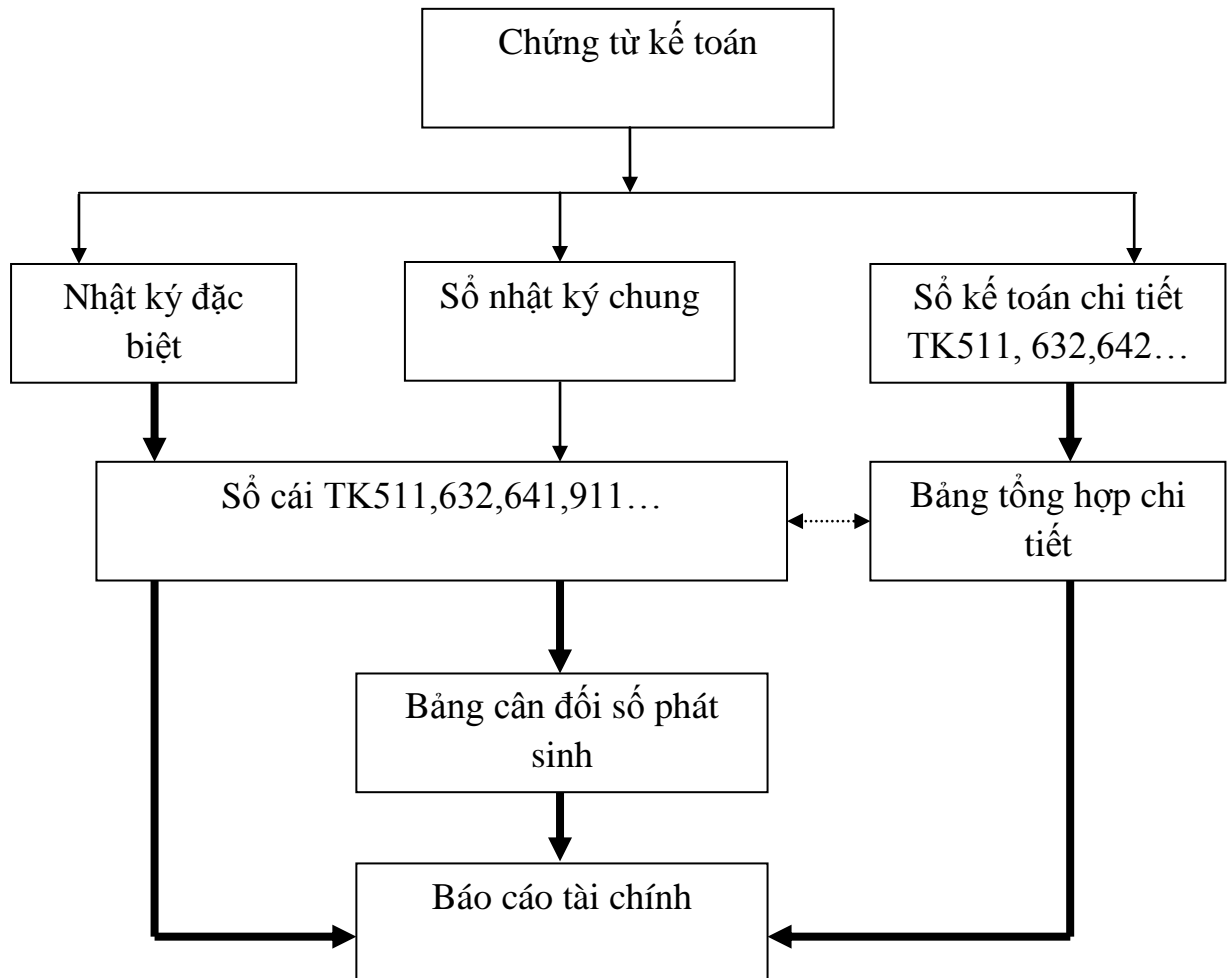
1.4.1. Hình thức Nhật ký chung:

 *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

✚ Các loại sổ chủ yếu:

- ✓ Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- ✓ Sổ cái;
- ✓ Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.20: Trình tự kế toán theo hình thức sau Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

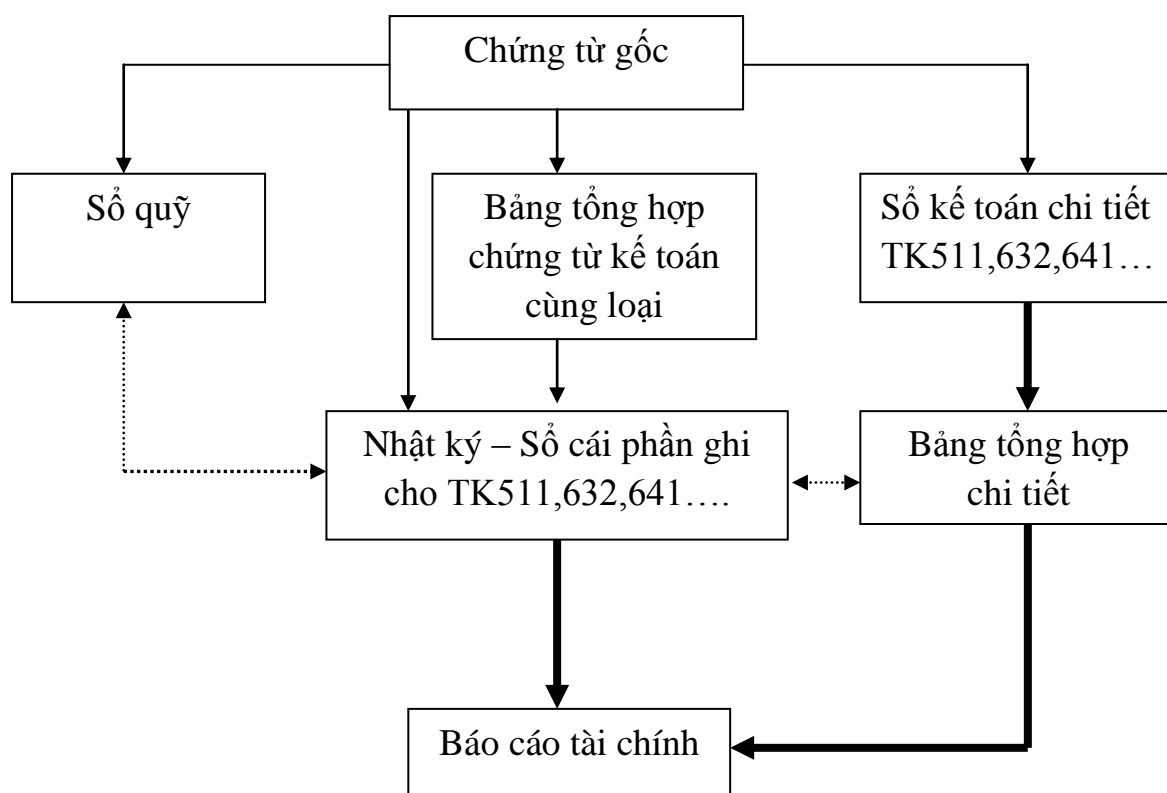
1.4.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái

✚ *Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Sổ nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

✚ *Các khoản sổ chủ yếu:*

- ✓ Nhật ký – Sổ cái;
- ✓ Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

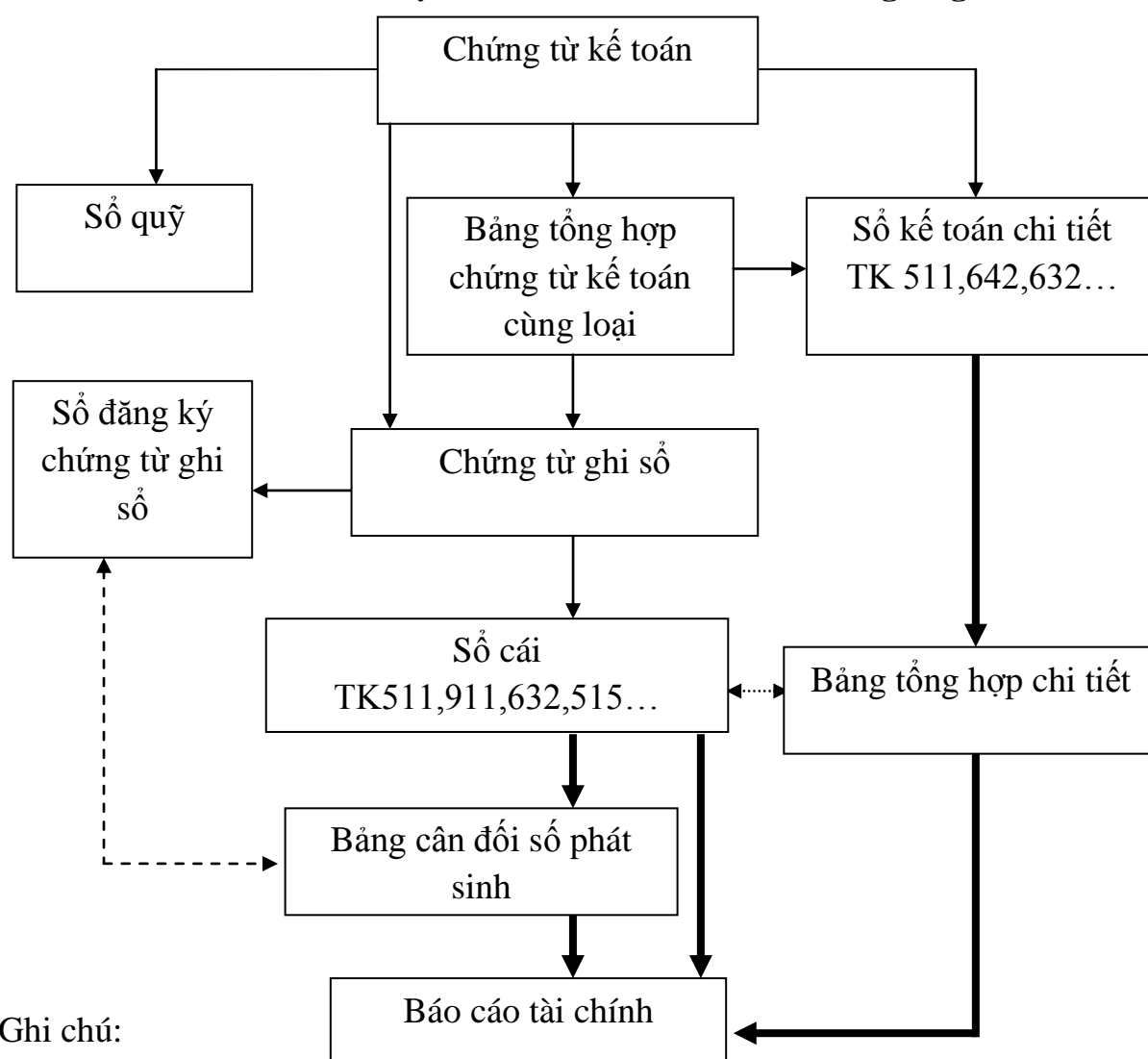
1.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:

✚ *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

✚ *Các loại sổ chủ yếu*

- ✓ Chứng từ ghi sổ;
- ✓ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- ✓ Sổ cái;
- ✓ Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.4.4. Hình thức Nhật ký – chứng từ:

✚ Đặc trưng cơ bản:

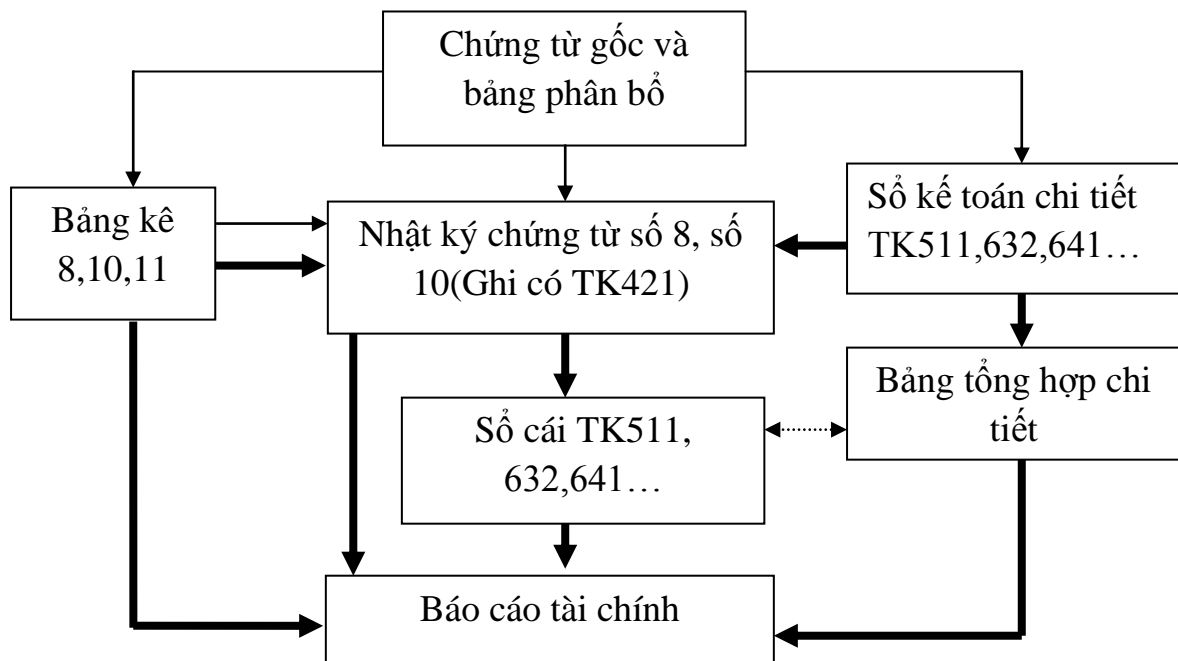
✓ Tập hợp hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các khoản đối ứng Nợ.

✓ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa công nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

✚ Các khoản nợ chủ yếu:

- ✓ Nhật ký chứng từ;
- ✓ Bảng kê;
- ✓ Sổ cái;
- ✓ Sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký – chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

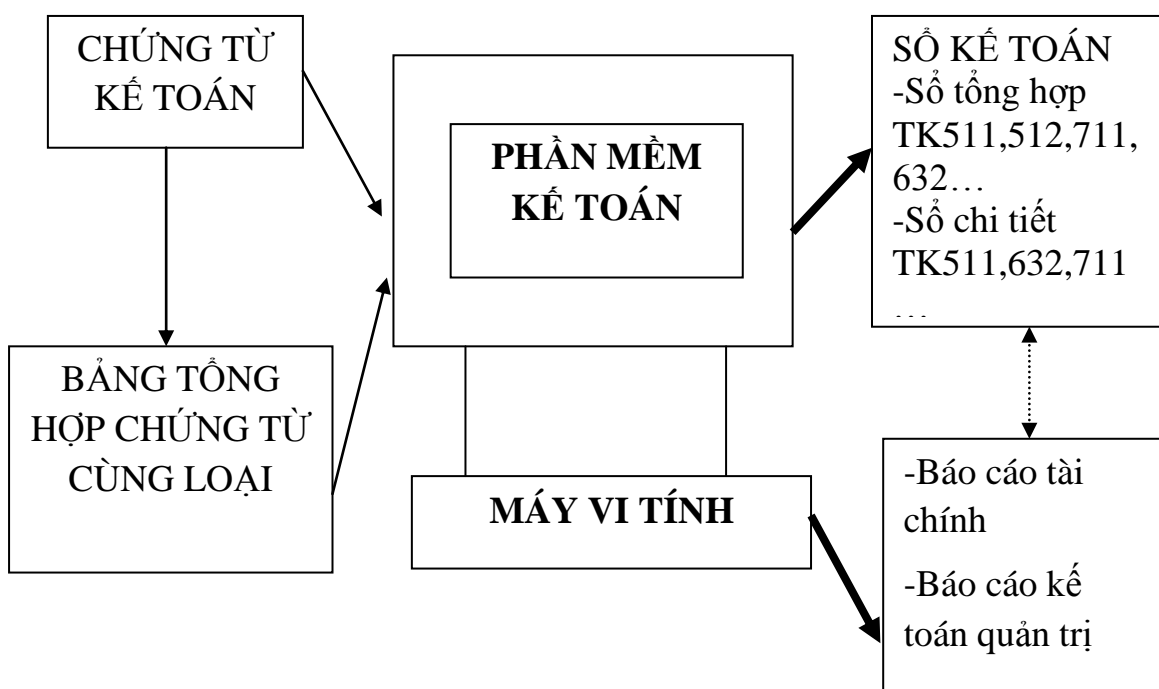
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

✚ *Đặc trưng cơ bản:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

✚ *Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:*

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ NỘI
CONTAINER HẢI PHÒNG

2.1 Khái quát chung về Chi nhánh công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

❖ Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container.

Tên giao dịch: Hà Nội Container.

Giấy phép kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): 0102013102 cấp ngày 24/06/2004 cấp lại ngày 12/12/2008 tại Sở KHĐT TP Hà Nội

Mã số thuế: 0101502895

Địa chỉ giao dịch: P101 nhà C số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.39288066

Fax: 04.39288077

Website: hanoicontainer.com

❖ Tên chi nhánh: Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

Mã số thuế: 0101502895-001

Địa chỉ chi nhánh: Km 2+ 200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3978904

Fax: 031.3753410

Email: Hnc-hp@vnn.vn

Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container được thành lập 24/06/2004. Ngày 21/06/2005 Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Vận Tải Hà Nội Container đã thành lập thêm một chi nhánh ở Hải Phòng mang tên Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng. Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng đã có 8 năm hoạt động kinh doanh và đã dần thay đổi từ quy mô hoạt động nhỏ cho đến quy mô hoạt động lớn hơn và có cơ cấu tổ chức theo hướng gọn nhẹ và hiệu quả.

Vốn chủ sở hữu của chi nhánh công ty năm 2005 là: 6.500.000.000 đến năm 2005 vốn chủ sở hữu của chi nhánh công ty là: 11.000.000.000. Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng là một doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, buôn bán các loại Container và sửa chữa, bảo dưỡng Container. Mặc dù trên thị trường ngày càng xuất hiện các đối thủ cạnh tranh nhưng chi nhánh công ty vẫn được khách hàng quan tâm với chất lượng sản phẩm tốt, giá cả hợp lý, thái độ phục vụ khách hàng thân thiện. Vì vậy Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng không ngừng đa dạng hóa các phương thức bán hàng, chăm sóc khách hàng, tư vấn miễn phí cho khách hàng. Chi nhánh công ty đã áp dụng các chế độ ưu đãi cho khách hàng, làm tăng hiệu quả kinh doanh, giải quyết nhu cầu công ăn việc làm và làm tăng thu nhập cho nhân viên trong chi nhánh công ty.

Chi nhánh công ty có đội ngũ nhân viên tâm huyết, có trình độ chuyên môn. Họ thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nên đáp ứng được nhu cầu làm việc trong nền kinh tế thị trường.

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng có 62 người lao động. Mức lương trung bình của người lao động là: 3.600.000 đồng/tháng. Độ tuổi trung bình của người lao động là 30 tuổi.

Trải qua hơn 8 năm xây dựng và phát triển, với đội ngũ cán bộ công nhân viên – kỹ thuật viên ưu tú cùng nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và cung cấp các dịch vụ về container, chi nhánh công ty là một trong những nhà cung cấp chuyên nghiệp hàng đầu của Việt Nam chuyên cung cấp về các dịch vụ container, chi nhánh công ty có nhiều dự án, công trình trong và ngoài nước như: Obayashi Construction Corp., Sumitomo Misui Co.Ltd, Fujita Construction Co.Ltd...

2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

❖ Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng hoạt động với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Chuyên kinh doanh các loại container:

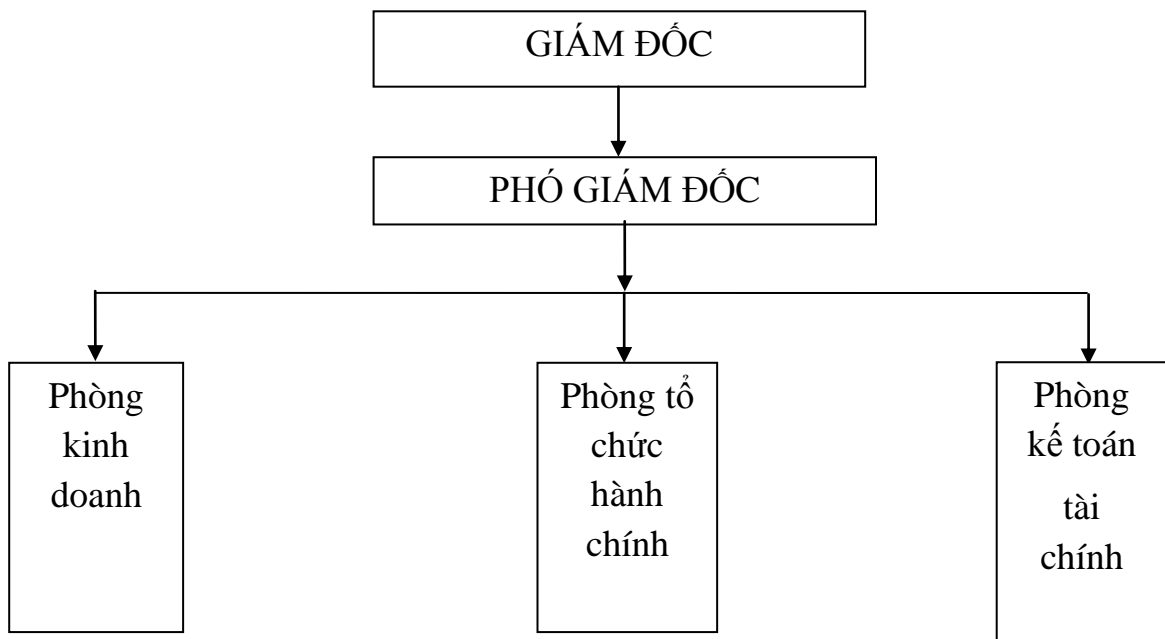
- Container văn phòng
- Container lạnh
- Container vệ sinh
- Container bảo vệ
- Container kho
- Container văn phòng ghép

- Sửa chữa Container, dán giấy Container, cho thuê Container, PTI Container lạnh, vệ sinh Container, lắp đặt các thiết bị treo...

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

Trong bất kỳ doanh nghiệp nào việc tổ chức bộ máy quản lý hết sức cần thiết và không thể thiếu được nó đảm bảo tính chặt chẽ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Các bộ phận trong bộ máy quản lý phải có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, được phân cấp trách nhiệm và quyền hạn đảm bảo chức năng quản lý và điều hành của chi nhánh công ty.

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của chi nhánh công ty



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

✓ **Giám đốc:** Là người có thẩm quyền cao nhất điều hành mọi hoạt động kinh doanh của chi nhánh công ty. Là người đại diện cho toàn bộ cán bộ công nhân viên, đại diện pháp nhân và chịu mọi trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của chi nhánh công ty. Giám đốc là người quyết định và trực tiếp lãnh đạo các bộ phận chức năng, hướng dẫn cấp dưới về mục tiêu thực hiện và theo dõi quá trình thực hiện của chi nhánh.

✓ **Phó giám đốc:** Là người giúp cho giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành kinh doanh về mọi hoạt động của chi nhánh công ty. Khi giám đốc đi vắng có ủy quyền cho phó giám đốc chịu trách nhiệm trước toàn chi nhánh công ty. Là người có trách nhiệm xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và nắm chắc đối thủ cạnh tranh để đạt với giám đốc cùng tập thể nhân viên các chính sách nhằm củng cố và mở rộng thị trường.

✓ **Phòng tổ chức hành chính:** Giúp giám đốc tổ chức quản lý toàn bộ số nhân viên trong chi nhánh công ty, chăm lo toàn bộ đời sống tinh thần cho công nhân viên. Có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ hành chính như tiếp nhận và phát hành, lưu trữ công văn, giấy tờ, tài liệu. Quản lý nhân sự, nghiên cứu, xây

dựng cơ cấu tổ chức của chi nhánh công ty. Có nhiệm vụ xây dựng các định mức trả lương cho từng công nhân và các hệ số bậc lương đối với nhân viên quản lý chi nhánh công ty, xây dựng quỹ lương, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho người lao động, giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong đơn vị. Có chức năng quản lý nhân sự một cách hợp lý, khoa học. Lập kế hoạch sử dụng lao động, tuyển lao động và điều phối lao động trong toàn chi nhánh công ty.

✓ **Phòng kế toán tài chính:** Có nhiệm vụ thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định của Bộ tài chính, ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn, vốn vay, giải quyết các loại vốn phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên vật liệu trong kinh doanh, tổ chức ghi chép, phân loại, tổng hợp những nhiệm vụ kinh tế tài chính phát sinh theo những nội dung công tác kế toán bằng phương pháp khoa học của kế toán, lập báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng, tổ chức bảo quản, lưu trữ chứng từ... Đây là phòng ban có chức năng vô cùng quan trọng của chi nhánh công ty trong quá trình hoạt động.

✓ **Phòng kinh doanh:** Thu thập các thông tin trên thị trường về các mặt hàng kinh doanh của chi nhánh công ty có phù hợp với người tiêu dùng. Phân tích thị trường và xây dựng các chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường và xây dựng chiến lược thúc đẩy doanh số.

Tất cả các phòng ban đều quan hệ mật thiết với nhau, có nghĩa vụ giúp đỡ Giám đốc đưa ra những quyết định kịp thời và hiệu quả.

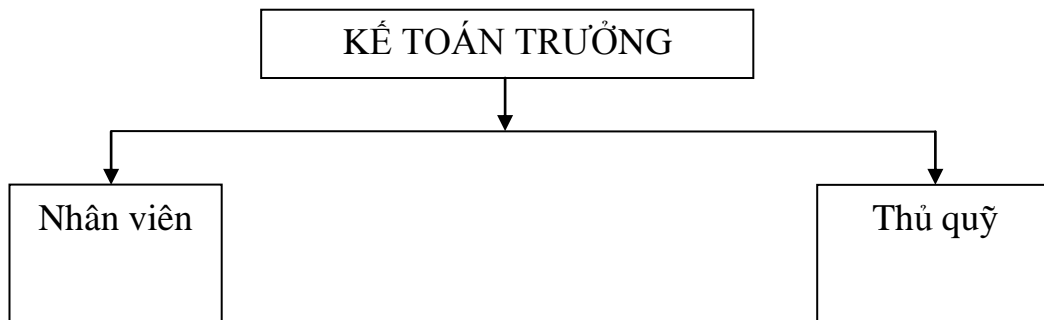
2.1.4 Đặc điểm của tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của chi nhánh công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Với hình thức này, toàn bộ công việc kế toán được tiến hành xử lý tại phòng kế toán của chi nhánh công ty. Phòng kế toán hạch toán mọi nhiệm vụ kế toán liên quan đến toàn chi nhánh công ty, thực hiện mọi công tác kế toán ghi nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính. Phòng kế toán tài chính có nhiệm vụ hướng dẫn và kiểm tra thực hiện thu

thập xử lý các thông tin kế toán ban đầu, thực hiện các chế độ hạch toán các nhiệm vụ kinh tế phát sinh tại văn phòng chi nhánh công ty đồng thời cung cấp thông tin về tình hình tài chính của chi nhánh công ty đầy đủ, chính xác và kịp thời từ đó tham mưu cho ban giám đốc để đưa ra những quyết định phù hợp. Ở Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container ngoài kế toán trưởng còn có 4 nhân viên kế toán và 1 thủ quỹ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên. Trong đó Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng có 1 kế toán trưởng, 1 nhân viên kế toán và 1 thủ quỹ.

Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của chi nhánh công ty



❖ **Kế toán trưởng:**

- ✓ Là người đứng đầu bộ máy kế toán của chi nhánh công ty, là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của chi nhánh công ty.
- ✓ Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu tổng hợp các số liệu, thực hiện các bút toán kết chuyển, khóa sổ kế toán cuối năm, xác định kết quả hoạt động kinh doanh, lập báo cáo tài chính.
- ✓ Cung cấp thông tin, số liệu kế toán cho Giám đốc và cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo.

❖ **Nhân viên kế toán**

- ✓ Có nhiệm vụ hạch toán phần kế toán nguyên vật liệu, hạch toán chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu và theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn, quản lý các tài khoản 152,153.

✓ Phụ trách hóa đơn chứng từ ban đầu về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của chi nhánh công ty. Ngoài ra còn phụ trách kế toán bán hàng, kế toán tiền lương và theo dõi tình hình thanh toán tiền lương cho cán bộ, nhân viên tại chi nhánh công ty.

✓ Có nhiệm vụ theo dõi và tính khấu hao của TSCĐ.

✓ Kiểm duyệt chứng từ, tài liệu và viết phiếu thu, phiếu chi những nghiệp vụ phát sinh tại chi nhánh công ty.

❖ **Thủ quỹ**

✓ Có nhiệm vụ bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt.

✓ Hàng tháng vào sổ quỹ lên các báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong kết phải khớp với số dư trên sổ quỹ, nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền mặt.

✓ Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.4.2 Hình thức kế toán, chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

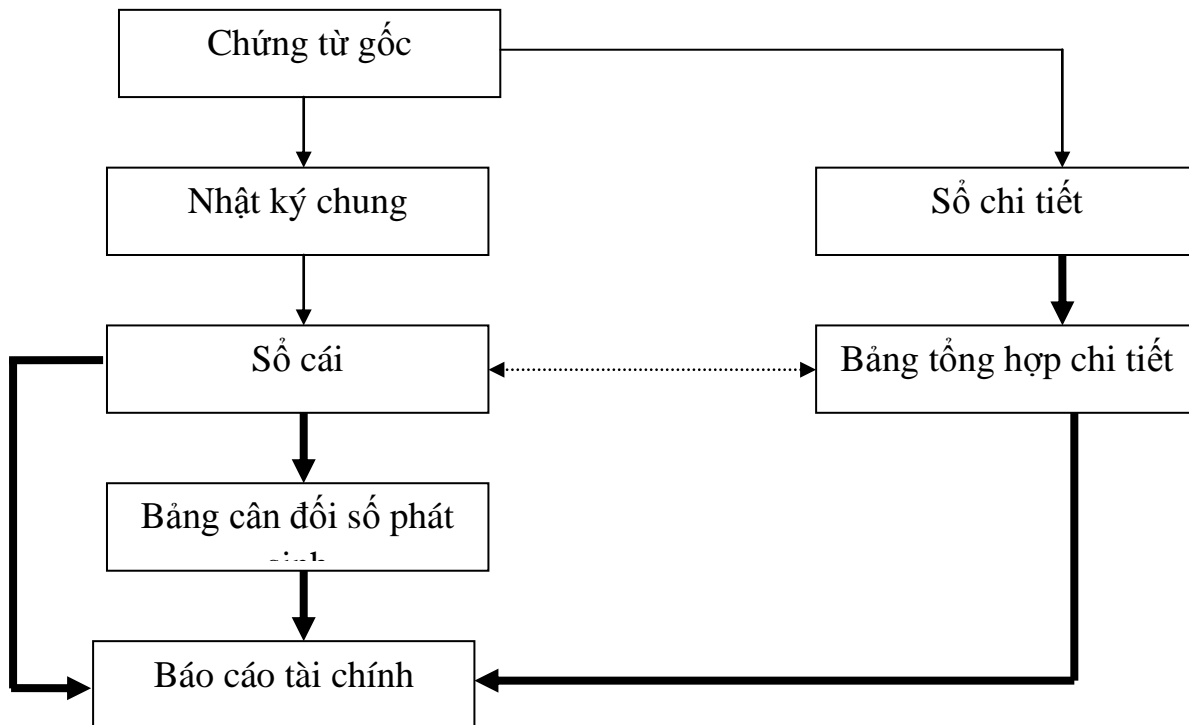
- Niên độ kế toán ở chi nhánh công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.
- Chế độ kế toán áp dụng: Chi nhánh công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.
- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác: Chi nhánh công ty không sử dụng ngoại tệ trong hoạt động kinh doanh.
- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng BTC.

- Đối với hàng tồn kho: Chi nhánh công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Chi nhánh công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

Kể từ ngày thành lập chi nhánh công ty cho đến nay, chi nhánh công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức Kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hệ thống sổ sách mà chi nhánh công ty hiện tại đang dùng :
 - Sổ nhật ký chung
 - Các sổ kế toán chi tiết
 - Sổ cái các tài khoản

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi cuối kỳ
 -> Đối chiếu số liệu cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản sao cho phù hợp. Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào Sổ chi tiết. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ chi tiết tài khoản kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp chi tiết, sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Biên bản giao nhận, Phiếu thu, Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 5111: Doanh thu bán container

- TK51111: Doanh thu bán container 20ft văn phòng
- TK51112: Doanh thu bán container 20ft văn phòng có toilet
- TK51113: Doanh thu bán container 40ft văn phòng
- TK51114: Doanh thu bán container 40ft văn phòng có toilet
- TK51115: Doanh thu bán container 10ft kho

- TK51116: Doanh thu bán container 20ft kho
 - TK51117: Doanh thu bán container 40ft kho
 - TK51118: Doanh thu bán container 45ft kho
 - TK51119: Doanh thu bán container 10ft lạnh
 - TK511110: Doanh thu bán container 20ft lạnh
 - TK511111: Doanh thu bán container 40ft lạnh
 - TK511112: Doanh thu bán container 10ft bảo vệ
 - TK511113: Doanh thu bán container 10ft toilet
 - TK511114: Doanh thu bán container 20ft toilet
 - TK511115: Doanh thu bán container 40ft toilet
 - TK511116: Doanh thu bán container văn phòng ghép
- + TK 5112: Doanh thu thuê container
- TK51121: Doanh thu thuê container 20ft văn phòng
 - TK51122: Doanh thu thuê container 20ft văn phòng có toilet
 - TK51123: Doanh thu thuê container 40ft văn phòng
 - TK51124: Doanh thu thuê container 40ft văn phòng có toilet
 - TK51125: Doanh thu thuê container 10ft kho
 - TK51126: Doanh thu thuê container 20ft kho
 - TK51127: Doanh thu thuê container 40ft kho
 - TK51128: Doanh thu thuê container 45ft kho
 - TK51129: Doanh thu thuê container 10ft lạnh
 - TK511210: Doanh thu thuê container 20ft lạnh
 - TK511211: Doanh thu thuê container 40ft lạnh
 - TK511212: Doanh thu thuê container 10ft bảo vệ
 - TK511216: Doanh thu thuê container văn phòng ghép
- + TK5113: Doanh thu sửa chữa container
- TK51131: Doanh thu sửa chữa container 20ft văn phòng
 - TK51132: Doanh thu sửa chữa container 20ft văn phòng có toilet
 - TK51133: Doanh thu sửa chữa container 40ft văn phòng
 - TK51134: Doanh thu sửa chữa container 40ft văn phòng có toilet

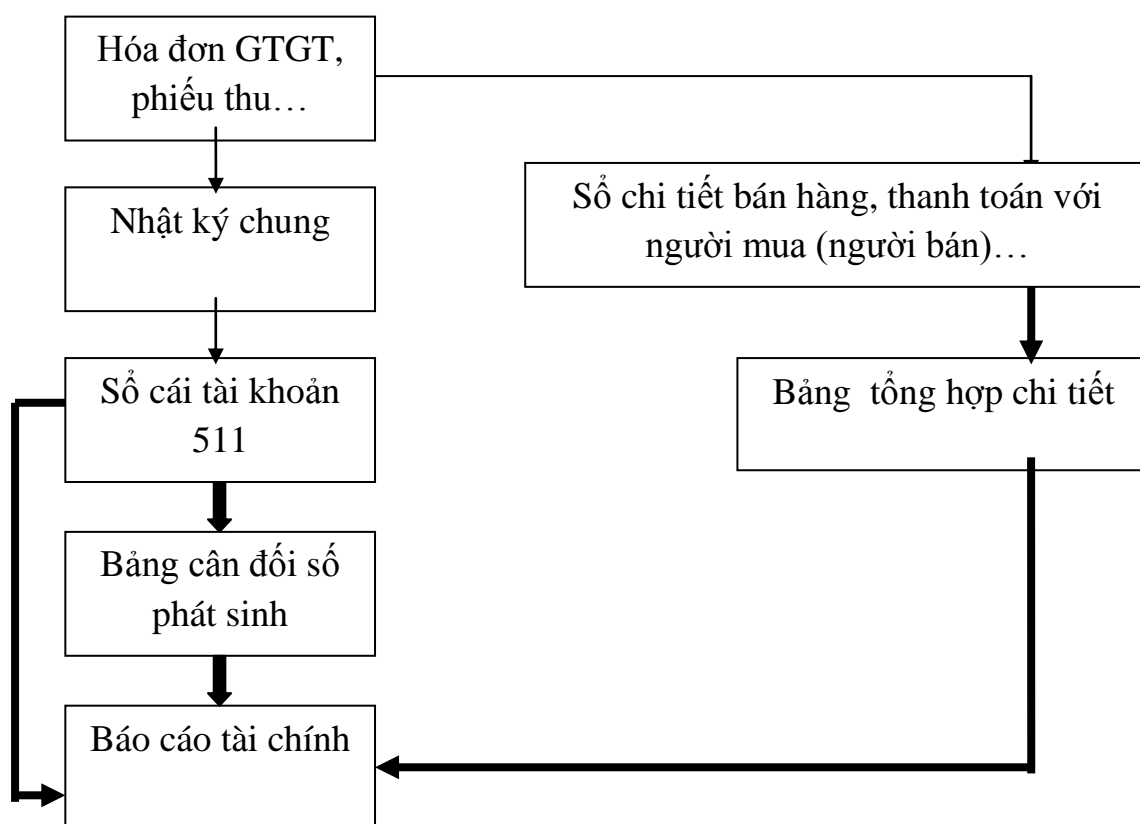
- TK51135: Doanh thu sửa chữa container 10ft kho
- TK51136: Doanh thu sửa chữa container 20ft kho
- TK51137: Doanh thu sửa chữa container 40ft kho
- TK51138: Doanh thu sửa chữa container 45ft kho
- TK51139: Doanh thu sửa chữa container 10ft lạnh
- TK511310: Doanh thu sửa chữa container 20ft lạnh
- TK511311: Doanh thu sửa chữa container 40ft lạnh
- TK511312: Doanh thu sửa chữa container 10ft bảo vệ
- TK511313: Doanh thu sửa chữa container 10ft toilet
- TK511314: Doanh thu sửa chữa container 20ft toilet
- TK511315: Doanh thu sửa chữa container 40ft toilet
- TK511316: Doanh thu sửa chữa container văn phòng ghép
- + TK5114: Doanh thu vận chuyển container
- + TK5115: Doanh thu PTI container lạnh
- + TK5116: Doanh thu ráp treo
- + TK5117: Doanh thu dán giấy container
- + TK5118: Doanh thu lắp ghép các thiết bị treo
- + TK5119: Doanh thu vệ sinh container

❖ **Phương thức bán hàng:** Chi nhánh công ty áp dụng phương thức bán hàng trực tiếp.

❖ **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ➔ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu số liệu cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ gốc, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào những số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái tài khoản 511, 111, 112, 131... Đồng thời từ các chứng từ gốc ghi vào các Sổ chi tiết TK 131, 511.... Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, từ Sổ chi tiết tài khoản kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết. Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 29/12/2012, chi nhánh công ty bán cho Công ty TNHH C&P Quảng Ninh container 20ft văn phòng số tiền là 67.000.000(chưa thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000460(biểu số 2.2.1.1), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.2), đồng thời ghi vào sổ chi tiết bán hàng (biểu số 2.2.1.3). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 511(biểu số 2.2.1.5), TK131, TK 333.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Sổ Cái và Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số: 2.2.1.1

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11P
Số:0000460

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
VẬN TẢI HÀ NỘI CONTAINER HẢI PHÒNG

Mã số thuế: 0101502895-001

Địa chỉ: Km2+200, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3978904

Số tài khoản: 12010000116026 tại Sở giao dịch 1 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH C&P Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701499227

Địa chỉ: Khu công nghiệp Việt Hưng, phường Việt Hưng, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Container 20ft văn phòng	Chiếc	01	67.000.000	67.000.000
Cộng tiền hàng:					67.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			6.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					73.700.000

Số tiền bằng chữ: Bảy mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu 2.2.1.2

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch

Mẫu số: S03a – DN

Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
28/12	0000458	28/12	Doanh thu thuê container 20ft vp	131 51121	28.000.000	28.000.000
28/12	0000458	28/12	Thuế GTGT đầu ra thuê container	131 3331	2.800.000	2.800.000
28/12	PC108/12	28/12	Bảo dưỡng xe 8975	642 111	3.550.000	3.550.000
28/12	PC108/12	28/12	Thuế GTGT đầu vào bảo dưỡng xe 8975	1331 111	355.000	355.000
....
29/12	0000460	29/12	Doanh thu bán container 20ft vp	131 51111	67.000.000	67.000.000
29/12	0000460	29/12	Thuế GTGT đầu ra bán container 20ft vp	131 3331	6.700.000	6.700.000
29/12	GBN68/12	29/12	Mua sơn các loại	152 112	73.080.000	73.080.000
29/12	GBN68/12	29/12	Thuế GTGT đầu vào	1331 112	7.308.000	7.308.000
.....
			Cộng		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.1.3

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container
Hải Phòng
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S35- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 51111

Tên hàng hóa: Container 20ft văn phòng

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
.....
0082874	27/01	Bán cho công ty TNHH KINDEN Việt Nam	131	01	60.400.000	60.400.000		
0000024	14/04	Bán cho công ty TNHH MSC Việt Nam	131	01	65.000.000	65.000.000		
.....
0000460	29/12	Bán cho công ty TNHH C&P Quảng Ninh	131	01	67.000.000	67.000.000		
.....
		Cộng				1.703.500.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Biểu số: 2.2.1.5

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
....
16/02	0082895	16/02	Doanh thu thuê container của công ty Minh Khang	131		17.400.000
16/02	0082896	16/02	Doanh thu thuê container của công ty Kinden	131		10.050.000
...
29/12	0000459	29/12	Doanh thu thuê container của siêu thị BigC Hải Phòng	131		43.800.000
29/12	0000460	29/12	Doanh thu bán container 20ft vp cho công ty TNHH C&P Quảng Ninh	131		67.000.000
...
31/12	PKT61	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	19.951.084.184	
			Cộng số phát sinh		19.951.084.184	19.951.084.184
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng chỉ bao gồm lãi tiền gửi.

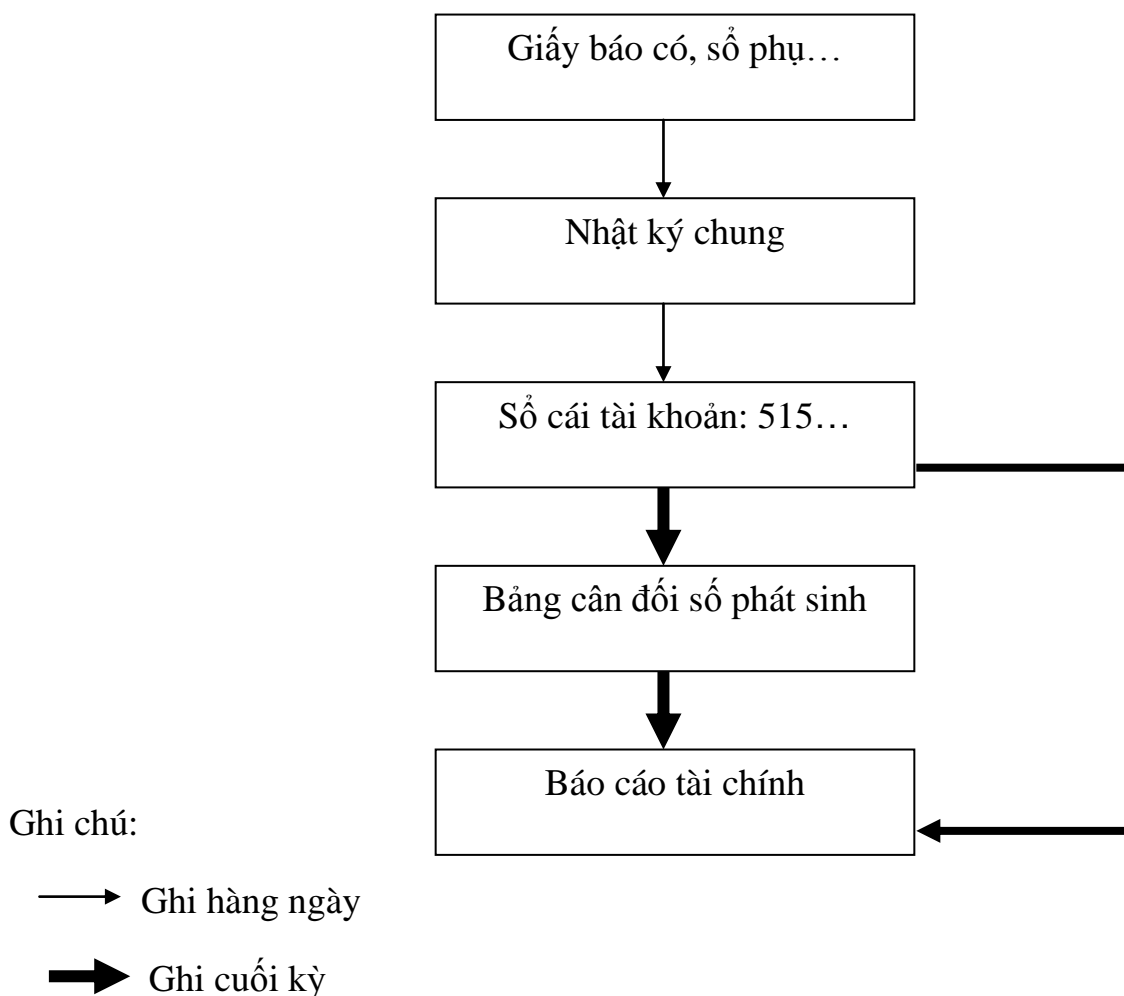
❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK112: Tiền gửi ngân hàng
- TK111: Tiền mặt

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi
- Phiếu thu, giấy báo có
- Sổ phụ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái tài khoản 515....

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2012, chi nhánh công ty nhận được Giấy báo có của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội về lãi tiền gửi được hưởng, số tiền 743.868

✚ Căn cứ vào giấy báo có (biểu số 2.2.1.2.1), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.2.2). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK515 (biểu số 2.2.1.2.3) và các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Sổ Cái và Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.2.1.2.1

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI

Ngày in/Printed date: 31/12/2012

Giao dịch viên/Teller: MAKER

Số giao dịch/Trans no:

AASF311212000054

GIẤY BÁO CÓ/CREDIT SLIP

Ngày/Date: 31/12/2012

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY

Tên tài khoản/Customer name: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TMDV VÀ
VẬN TẢI HÀ NỘI CONTAINER HẢI PHÒNG

Số tài khoản/Account number: 1000029366

Tổng số tiền bằng số/ Amount:

743.868,00 VND

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT

Tên tài khoản/Customer name:

Số tài khoản/Account number:

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Bảy trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm sáu
mười tám đồng.

Nội dung/Content: NHẬP LÃI TIỀN GỬI VÀO GỐC – 1000029366

GIAO DỊCH VIÊN

TELLER

KIỂM SOÁT

CHECKER

Biểu số 2.2.1.2.2

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
31/12	PC134/12	31/12	Mua sàn gỗ inova	152 111	13.027.018	13.027.018
31/12	PC134/12	29/12	Thuế GTGT đầu vào của sàn gỗ inova	1331 111	1.302.702	1.302.702
31/12	0000099	30/12	Mua sắt thép của công ty TNHH Ngọc Anh	152 331	84.654.519	84.654.519
31/12	0000099	30/12	Thuế GTGT đầu vào của sắt thép	1331 331	8.465.452	.465.452
31/12	0000178	30/12	Mua 10 quạt công nghiệp	153 331	39.800.000	39.800.000
31/12	0000178	30/12	Thuế GTGT đầu vào của 10 quạt công nghiệp	1331 331	3.980.000	3.980.000
31/12	0000929	30/12	Mua oxy, CO2	152 331	2.454.600	2.454.600
31/12	0000929	23/12	Thuế GTGT đầu vào của oxy, CO2	1331 331	245.460	245.460
...
31/12	GBC41/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng SHB	112 515	743.868	743.868
.....
			Cộng		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.1.2.3

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
...
01/12	GBC01/12	01/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Agribank	112		30.331
12/12	GBC09/12	12/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Viettin Bank	112		933.333
25/12	GBC28/12	25/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Agribank	112		875.804
...
31/12	GBC41/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng SHB	112		743.868
....
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	24.148.646	
			Cộng số phát sinh		24.148.646	24.148.646
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

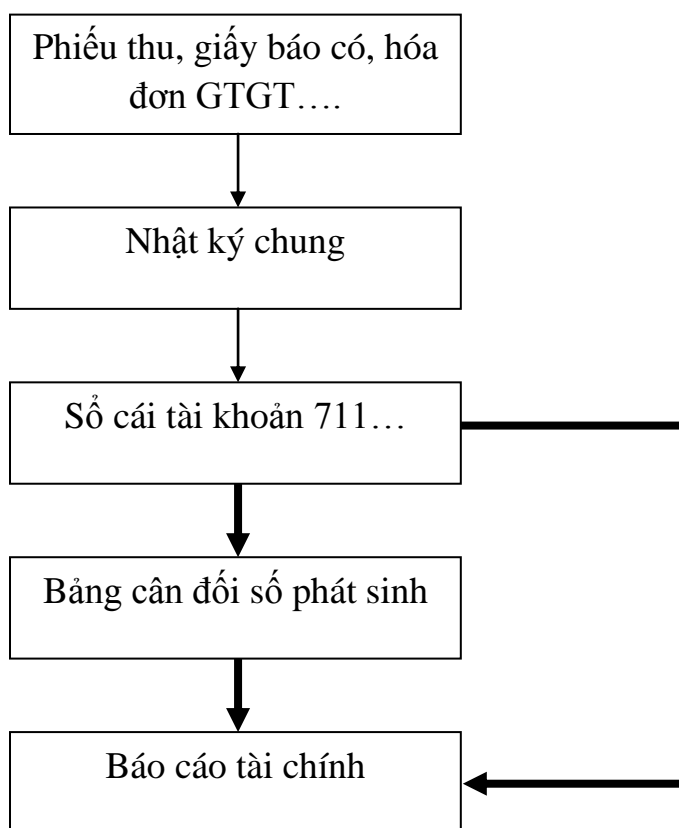
Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng là thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có
 - Phiếu thu
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 711- Thu nhập khác

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán Thu nhập khác tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

→ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 711... Cuối kỳ, từ Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 19/04/2012 Chi nhánh Công ty tiến hành thanh lý xe ô tô BMV 29V-9119 đã thu bằng tiền mặt

Kế toán lập hóa đơn GTGT số 0000034(biểu số 2.2.1.3.1). Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán lập phiếu thu (biểu số 2.2.1.3.2) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.3.3), sau đó ghi vào sổ cái TK711(biểu số: 2.2.1.3.4)...

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng lập Báo cáo tài chính.

Biểu số: 2.2.1.3.1

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày 19 tháng 04 năm
2012

Mẫu số:01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11P
Số:0000034

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
VẬN TẢI HÀ NỘI CONTAINER HẢI PHÒNG

Mã số thuế: 0101502895-001

Địa chỉ: Km2 + 200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3978904

Số tài khoản: 12010000116026 tại Sở giao dịch 1 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Họ tên người mua hàng: Hoàng Văn Long

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ:6/23 Chợ Hàng, Lê Chân, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Xe BMW 29V-9119	Chiếc	01	181.818.182	181.818.182
Cộng tiền hàng:					181.818.182
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			18.181.818
Tổng cộng tiền thanh toán:					200.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn./

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số: 2.2.1.3.2

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại

Mẫu số: 01-TT

Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng (Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU THU

Ngày 19 tháng 04 năm 2012

Số 19/04

Nợ TK 111: 200.000.000

Có TK 711: 181.818.182

Có TK 3331: 18.181.818

Họ tên người nộp tiền: Hoàng Văn Long

Địa chỉ: 6/23 Chợ Hàng, Lê Chân, Hải Phòng.

Lý do nộp: Thu tiền thanh lý xe BMW 29V-9119

Số tiền: 200.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn./)

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, Ghi rõ họ tên)	tiền (Ký, Ghi rõ họ tên)	phiếu (Ký, Ghi rõ họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm triệu đồng chẵn.

Biểu số: 2.2.1.3.3

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ
Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
19/04	PT19/04	19/04	Thanh lý xe BMW 29V 9119 thu bằng TM	111 711	181.818.182	181.818.182
19/04	PT19/04	19/04	Thuế GTGT đầu ra	111 3331	18.181.818	18.181.818
.....
02/12	PC05/12	02/12	Bảo dưỡng xe 8915	642 111	2.590.000	2.590.000
02/12	PC05/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào bảo dưỡng xe 8915	1331 111	259.000	259.000
02/12	PC06/12	02/12	Mua bình inox	152 111	10.909.090	10.909.090
02/12	PC06/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào bình inox	1331 111	1.090.909	1.090.909
02/12	PC07/12	02/12	Mua keo ebusi	152 111	4.500.000	4.500.000
02/12	PC07/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào của keo ebusi	1331 111	450.000	450.000
...
12/12	PT06/12	07/12	Thu tiền thuê container	111 131	4.620.000	4.620.000
...
			Cộng		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.2.1.3.4

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 711

Tên TK: Thu nhập khác

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
19/04	PT19/04	19/04	Thanh lý xe BMW 29V-9119 thu bằng TM	111		181.818.182
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	181.818.182	
			Cộng số phát sinh		181.818.182	181.818.182
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 632: Giá vốn hàng bán

- TK6321: Giá vốn bán container
 - TK63211: Giá vốn bán container 20ft văn phòng
 - TK63212: Giá vốn bán container 20ft văn phòng có toilet
 - TK63213: Giá vốn bán container 40ft văn phòng
 - TK63214: Giá vốn bán container 40ft văn phòng có toilet
 - TK63215: Giá vốn bán container 10ft kho
 - TK63216: Giá vốn bán container 20ft kho
 - TK63217: Giá vốn bán container 40ft kho
 - TK63218: Giá vốn bán container 45ft kho
 - TK63219: Giá vốn bán container 10ft lạnh
 - TK63210: Giá vốn bán container 20ft lạnh
 - TK632111: Giá vốn bán container 40ft lạnh
 - TK632112: Giá vốn bán container 10ft bảo vệ
 - TK632113: Giá vốn bán container 10ft toilet
 - TK632114: Giá vốn bán container 20ft toilet
 - TK632115: Giá vốn bán container 40ft toilet
 - TK632116: Giá vốn bán container văn phòng ghép
- TK6322: Giá vốn cho thuê container
 - TK63221: Giá vốn thuê container 20ft văn phòng
 - TK63222: Giá vốn thuê container 20ft văn phòng có toilet
 - TK63223: Giá vốn thuê container 40ft văn phòng

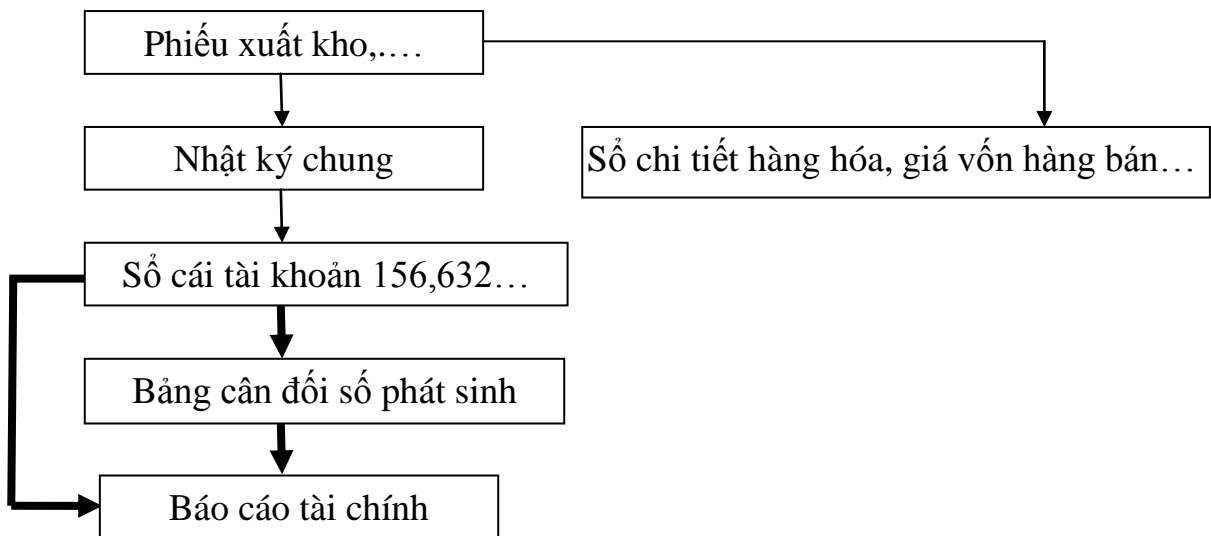
- TK63224: Giá vốn thuê container 40ft văn phòng có toilet
- TK63225: Giá vốn thuê container 10ft kho
- TK63226: Giá vốn thuê container 20ft kho
- TK63227: Giá vốn thuê containr 40ft kho
- TK63228: Giá vốn thuê container 45ft kho
- TK63229: Giá vốn thuê container 10ft lạnh
- TK632210: Giá vốn thuê container 20ft lạnh
- TK632211: Giá vốn thuê container 40ft lạnh
- TK632212: Giá vốn thuê container 10ft bảo vệ
- TK632216: Giá vốn thuê container văn phòng ghép
- TK6323: Giá vốn sửa chữa container
 - TK63231: Giá vốn sửa chữa container 20ft văn phòng
 - TK63232: Giá vốn sửa chữa container 20ft văn phòng có toilet
 - TK63233: Giá vốn sửa chữa container 40ft văn phòng
 - TK63234: Giá vốn sửa chữa container 40ft văn phòng có toilet
 - TK63235: Giá vốn sửa chữa container 10ft kho
 - TK63236: Giá vốn sửa chữa container 20ft kho
 - TK63237: Giá vốn sửa chữa container 40ft kho
 - TK63238: Giá vốn sửa chữa container 45ft kho
 - TK63239: Giá vốn sửa chữa container 10ft lạnh
 - TK632310: Giá vốn sửa chữa container 20ft lạnh
 - TK632311: Giá vốn sửa chữa container 40ft lạnh
 - TK632312: Giá vốn sửa chữa container 10ft bảo vệ
 - TK632313: Giá vốn sửa chữa container 10ft toilet
 - TK632314: Giá vốn sửa chữa container 20ft toilet
 - TK632315: Giá vốn sửa chữa container 40ft toilet
 - TK632316: Giá vốn sửa chữa container văn phòng ghép
- TK6324: Giá vốn vận chuyển container
- TK6325: Giá vốn PTI container lạnh
- TK6326: Giá vốn ráp treo container

- TK6327: Giá vốn dán giấy container
- TK6328: Giá vốn lắp ghép các thiết bị treo
- Tk 6329: Giá vốn vệ sinh container

❖ Phương pháp tính giá vốn

Chi nhánh công ty tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hà Nội Container Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày.
- ↔ Đối chiếu số liệu cuối kỳ
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK156, 632... Từ chứng từ gốc ghi vào sổ chi tiết TK156, 632...

Cuối kỳ, từ số liệu trên Sổ cái TK sẽ được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ Cái, Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 29/12/2012 Xuất kho bán cho Công ty TNHH C&P Quảng Ninh 01 chiếc container 20ft văn phòng, khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 32/12 (biểu số 2.2.2.1.1) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.1.2) đồng thời ghi vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán (biểu số 2.2.2.1.3). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK632 (biểu số 2.2.2.1.4).

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Sổ cái và được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.2.1.1

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Số: 32/12

TK Nợ: 63211

TK Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Thị Yên

Diễn giải: Xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH C&P Quảng Ninh

Xuất tại kho: Hàng hóa

Địa điểm: Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Container 20ft văn phòng	20FT VP	Chiếc	01	01	57.229.590	57.229.590
	Cộng						57.229.590

Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi chín nghìn năm trăm chín mươi đồng./

Số chứng từ gốc kèm theo: 1 hóa đơn GTGT

Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Thủ kho

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng)

Biểu số 2.2.2.1.2

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
02/12	PC06/12	02/12	Mua bình inox	152 111	10.909.090	10.909.090
02/12	PC06/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào bình inox	1331 111	1.090.909	1.090.909
02/12	PC07/12	02/12	Mua keo ebusi	152 111	4.500.000	4.500.000
02/12	PC07/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào của keo ebusi	1331 111	450.000	450.000
.....
12/12	PC37/12	12/12	Mua bảo hiểm xe 8975	142 111	345.000	345.000
12/12	PC37/12	12/12	Thuế GTGT đầu vào mua bảo hiểm xe 8975	1331 111	34.500	34.500
...
28/12	PC116/12	28/12	Mua nhôm thanh	152 111	18.097.500	18.097.500
28/12	PC116/12	28/12	Thuế GTGT đầu vào của nhôm thanh	1331 111	1.809.750	1.809.750
....
29/12	PX32/12	29/12	Xuất container 20ft văn phòng	63211 156	57.229.590	57.229.590
...
			Cộng		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.2.1.3

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK 63211

Tên hàng hóa: Container 20ft văn phòng

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Giá vốn hàng bán			Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
....	
PX29/09	30/09	Xuất bán cho Công ty TNHH KINDEN Việt Nam	156	01	56.405.901	56.405.901	
PX30/10	30/10	Xuất bán cho Công Ty TNHH MSC Việt Nam	156	01	54.121.565	54.121.565	
....	
PX12/11	12/11	Bán cho Công ty TNHH KINDEN Việt Nam	156	01	54.549.250	54.549.250	
...	
PX32/12	29/12	Bán cho Công ty TNHH C&P Quảng Ninh	156	01	57.229.590	57.229.590	
...	
		Cộng			1.113.701.627	1.113.701.627	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 2.2.2.1.4

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ
Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
....
28/02	PX25/02	28/02	Xuất bán container 40ft văn phòng	156	75.314.842	
.....
16/04	PX23/04	30/04	Xuất bán container 20ft bảo vệ	156	27.100.934	
....
12/11	PX16/11	12/11	Bán container 20ft văn phòng cho Công ty TNHH KINDEN Việt Nam	156	59.654.861	
....
29/12	PX32/12	29/12	Bán container 20ft văn phòng cho Công ty TNHH C&P Quảng Ninh	156	57.229.590	
.....
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		16.527.480.186
			Cộng số phát sinh trong kỳ		16.527.480.186	16.527.480.186
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng là khoản lãi vay phải trả.

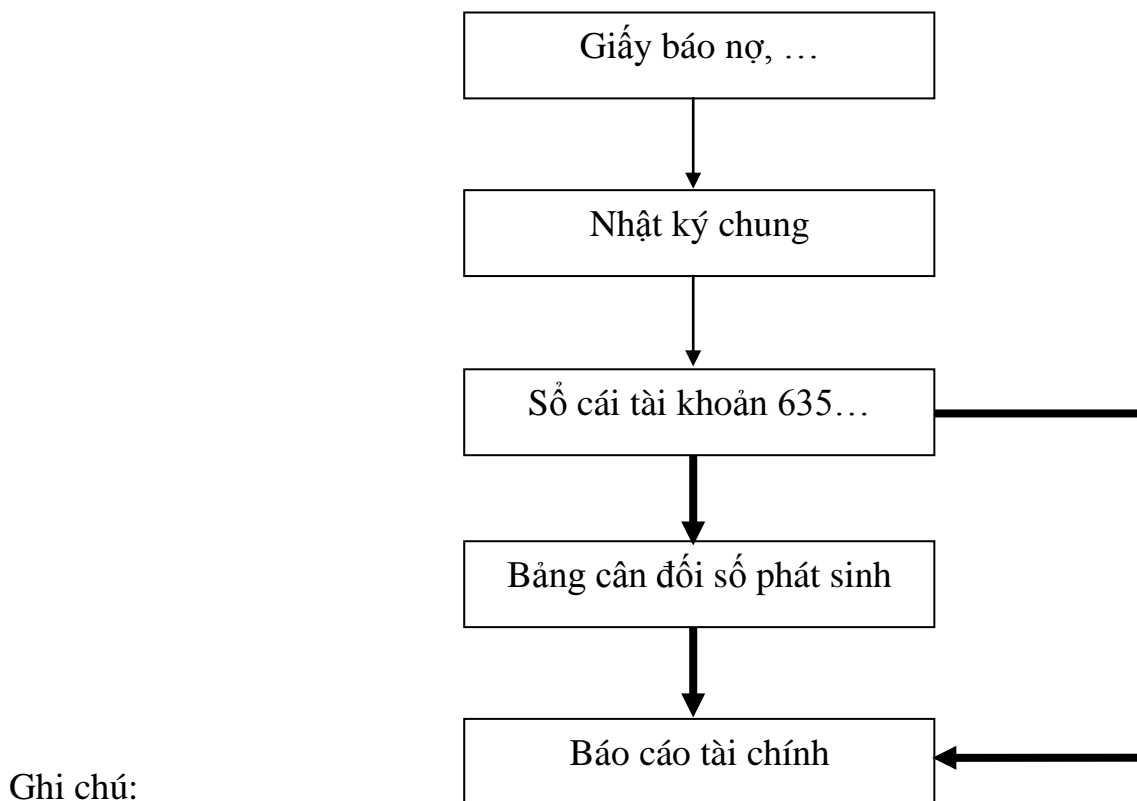
❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Sổ phụ

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 111: Tiền mặt

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán Chi phí hoạt động tài chính tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

→ Ghi cuối kỳ

Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái tài khoản 635... Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo Cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 30/12/2012, chi nhánh công ty trả tiền lãi vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hải An số tiền 6.510.488.

Căn cứ vào giấy báo nợ (biểu số 2.2.2.2.1), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.2.2). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK635 (biểu số 2.2.2.2.3) và các sổ cái khác có liên quan.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.2.2.1

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 30 tháng 12 năm 2012



AGRIBANK

HẢI AN

Số 5 Ngô Gia Tự, Hải An, Hải Phòng

**Kính gửi: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN
TẢI HÀ NỘI CONTAINER HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Km 2+200 Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Tài khoản số: 4047193538625

Nội dung: Lãi vay tháng 12

PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI
TK Nợ
TK Có

Số tiền: 6.510.488

Viết bằng chữ: Sáu triệu năm trăm mười nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng.

Sở phụ
(Đã ký)

Kế toán
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số: 2.2.2.2.2

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
02/12	PC07/12	02/12	Mua keo ebusi	152 111	4.500.000	4.500.000
02/12	PC07/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào keo ebusi	1331 111	450.000	450.000
02/12	PC08/12	02/12	Mua vít inox...	152 111	3.040.000	3.040.000
02/12	PC08/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào vít inox	1331 111	304.000	304.000
.....
30/12	PT20/12	30/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
30/12	GBN80/12	30/12	Trả lãi vay cho Ngân hàng Agribank	635 112	6.510.488	6.510.488
...
31/12	PC134/12	31/12	Mua sàn gỗ inovar	152 111	13.027.018	13.027.018
31/12	PC134/12	31/12	Thuế GTGT đầu vào sàn gỗ inovar	1331 111	1.302.702	1.302.702
...
			Cộng số phát sinh		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.2.2.2.3

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635

Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:		-	-
			Số phát sinh trong kỳ:			
....
01/12	GBN01/12	01/12	Trả lãi vay cho ngân hàng SHB	112	13.539	
02/12	GBN02/12	02/12	Trả lãi vay cho ngân hàng Viettin Bank	112	1.430.000	
02/12	GBN03/12	02/12	Trả lãi vay cho ngân hàng Agribank	112	4.520.000	
02/12	GBN04/12	02/12	Trả lãi vay cho ngân hàng SHB	112	4.684.742	
....
29/12	GBN79/12	29/12	Trả lãi vay cho ngân hàng TM CP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	112	6.686.335	
30/12	GBN80/12	30/12	Trả lãi vay cho Ngân hàng Agribank	112	6.510.488	
....
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển chi phí	911		321.168.643
			Cộng số phát sinh		321.168.643	321.168.643
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phát sinh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Hà Nội Container Hải Phòng bao gồm: chi phí lưu kho bãi, chi phí nâng hạ container, chi phí quảng cáo trên google, chi phí in băng zôn quảng cáo, chi phí di chuyển container,.....

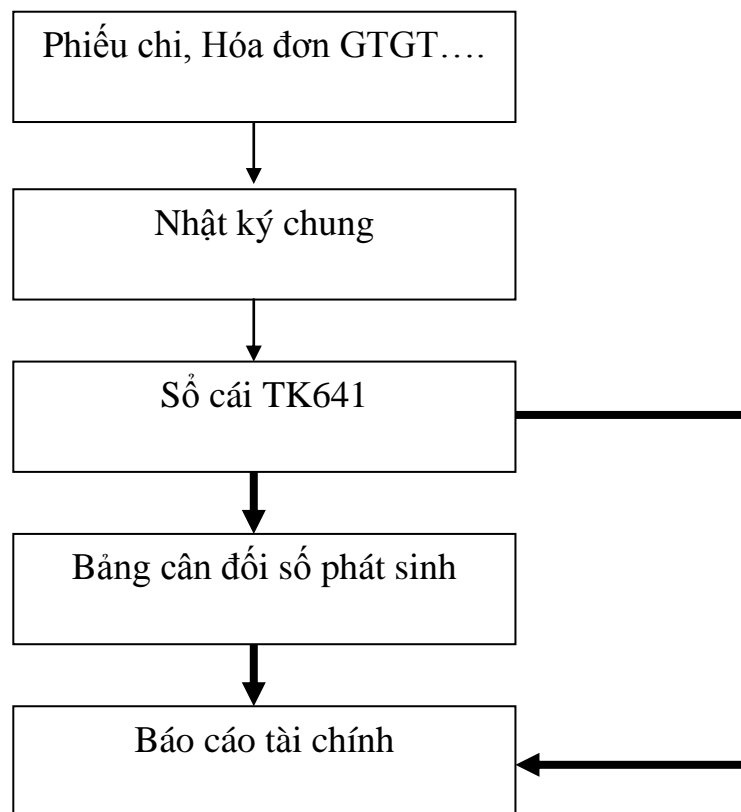
❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 641: Chi phí bán hàng.
- Và các tài khoản liên quan: TK111, 112....

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi, Hóa đơn GTGT...

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán Chi phí bán hàng tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Hà Nội Container Hải Phòng.



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

➔ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK641... Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 28/12/2012 chi nhánh công ty thanh toán tiền phí nâng hạ container để xuất bán số tiền 380.000 (chưa thuế GTGT 10%). Thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0040972 (biểu số 2.2.2.3.1) lập phiếu chi (biểu số 2.2.2.3.2). Căn cứ vào phiếu chi kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung (biểu số 2.2.2.3.3). Từ Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK641 (biểu số 2.2.2.3.4) và các Sổ cái khác có liên quan.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số: 2.2.2.3.1

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AA/11P
Liên 2: Giao cho khách hàng Số:0040972
Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN SAO Á
Mã số thuế: 0200504188
Địa chỉ: Km2+200 đường Đình Vũ, Hải An, Hải Phòng
Điện thoại: 0313.573.552
Số tài khoản

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng
Mã số thuế: 0101502895-001
Địa chỉ: Km2 + 200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Phí nâng hạ container	Chiếc	01	380.000	380.000
Cộng tiền hàng:					380.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			38.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					418.000

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm mười tám nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.2.2.3.2

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại

Mẫu số 02-TT

Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU CHI

Số 118/12

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Nợ TK 641: 380.000

Nợ TK 1331: 38.000

Có TK 111: 418.000

Họ tên người nhận tiền:

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Sao Á

Lý do chi: Thanh toán phí nâng hạ container

Số tiền: 418.000

Bằng chữ: Bốn trăm mười tám nghìn đồng./

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Người nhận	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, Ghi rõ	trưởng	tiền	phiếu	(Ký, Ghi
họ tên, đóng	(Ký, Ghi rõ họ	(Ký, họ tên)	(Ký, Ghi rõ họ	rõ họ tên)
dấu)	tên)		tên)	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bốn trăm mười tám nghìn đồng.

Biểu số: 2.2.2.3.3

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ
Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
02/12	PC07/12	02/12	Mua keo ebusi	152 111	4.500.000	4.500.000
02/12	PC07/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào keo ebusi	1331 111	450.000	450.000
02/12	PC08/12	02/12	Mua vít inox...	152 111	3.040.000	3.040.000
02/12	PC08/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào vít inox	1331 111	304.000	304.000
.....
28/12	PC118/12	28/12	Thanh toán phí nâng hạ container	641 111	380.000	380.000
28/12	PC118/12	28/12	Thuế GTGT đầu vào	1331 111	38.000	38.000
...
31/12	PC134/12	31/12	Mua sàn gỗ inovar	152 111	13.027.018	13.027.018
31/12	PC134/12	31/12	Thuế GTGT đầu vào sàn gỗ inovar	1331 111	1.302.702	1.302.702
31/12	0097953	31/12	Mua sơn chống rỉ chưa thanh toán	152 331	5.530.000	5.530.000
31/12	0097953	31/12	Thuế GTGT đầu vào	1331 331	553.000	553.000
...
			Cộng số phát sinh		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.2.2.3.4

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 641

Tên TK: Chi phí bán hàng

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:		-	-
			Số phát sinh trong kỳ:			
...
31/05	PC137/05	31/05	Chi phí di chuyển container	331	3.000.000	
....
09/11	PC09/11	09/11	Thanh toán tiền phí nâng container	111	275.000	
...
29/11	PC97/11	29/11	Thanh toán tiền dịch vụ quảng cáo trên google	111	11.976.270	
....
28/12	PC118/12	28/12	Thanh toán tiền phí nâng hạ container	111	380.000	
....
31/12	PKT66	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		973.596.736
			Số phát sinh trong kỳ		973.596.736	973.596.736
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về nhân viên quản lý, khấu hao tài sản cố định, thuế, phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

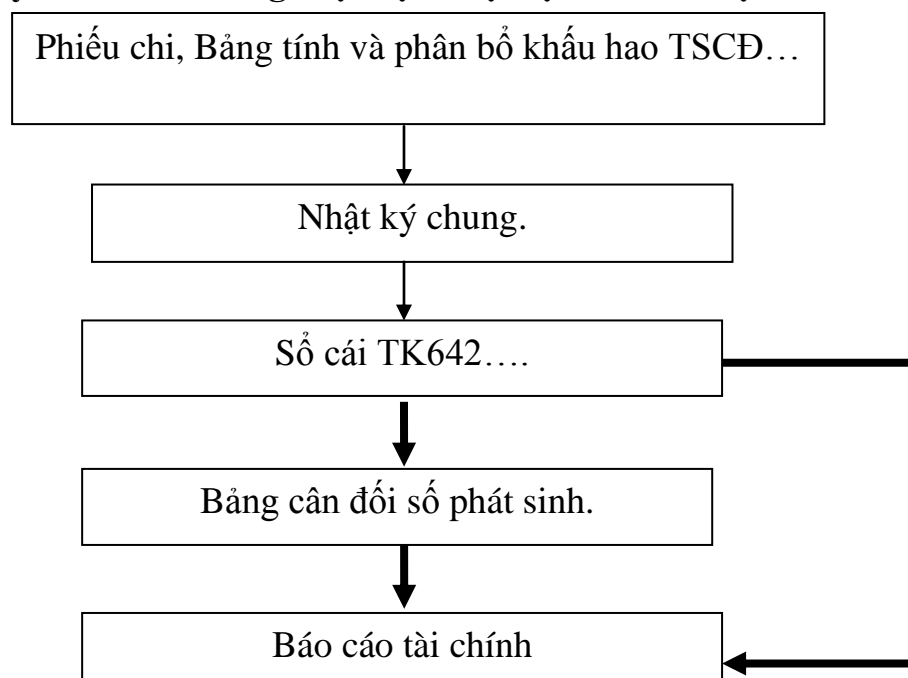
❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Và các tài khoản có liên quan: TK111, TK112,

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

➔ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 642....Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2012 thanh toán tiền mua nước uống cho Công ty Cổ phần QTC bằng tiền mặt số tiền 500.000 (giá đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000188 (biểu số 2.2.2.4.1) kế toán lập phiếu chi (biểu số 2.2.2.4.2). Từ phiếu chi kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2.2.4.3). Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642(2.2.2.4.4), TK133, TK111. Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.2.4.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Liên 2: Giao khách hàng Mẫu số(Type):01GTKT3/001
Ngày(Date): 31/12/2012 Ký hiệu (Serial No): AA/11P
Số(No): 0000188
Ngày(Date): 31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN QTC Địa chỉ (Address): Số 58 Vạn Mỹ,
Số tài khoản(No):0031000069029 Ngô Quyền, Hải Phòng.
Mã số thuế(tax code): **0200544945** Fax: (84-031)3753142
Website: <http://www.qtc.vnn.vn>

Khách hàng (Customer): Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ
Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

Địa chỉ: Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST(Tax code): 0101502895-001

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Nước uống tinh khiết	Bình	20	22.727,27	454.545
Cộng tiền hàng(Sub total)					454.545
Thuế suất GTGT(VAT tax rate): 10% Thuế GTGT(VAT tax)					45.455
Tổng cộng(Grand Total)					500.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng
(Customer's signature)

Người bán hàng
(Seller's signature)

Thủ trưởng đơn vị
(Director's signature)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Biểu số 2.2.2.4.2

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại

Mẫu số 02-TT

Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 149/12

Nợ TK 642: 454.545

Nợ TK 133: 45.455

Có TK 111: 500.000

Họ tên người nhận tiền: Đinh Thị Ngọc Dung

Địa chỉ: Phòng Kế Toán

Lý do chi: Thanh toán tiền mua nước uống

Số tiền: 500.000

Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn./

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, Ghi rõ	trưởng	biểu	tiền	(Ký, Ghi rõ
họ tên, đóng	(Ký, Ghi rõ họ	(Ký, Ghi rõ họ	(Ký, Ghi rõ họ	họ tên)
dấu)	tên)	tên)	tên)	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm nghìn đồng chẵn.

Biểu số 2.2.2.4.3

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
02/12	PC08/12	02/12	Mua vít inox thanh toán bằng tiền mặt	152 111	3.040.000	3.040.000
02/12	PC08/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào mua vít inox	1331 111	304.000	304.000
.....
30/12	PT20/12	30/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111 112	50.000.000	50.000.000
30/12	GBN80/12	30/12	Trả lãi vay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội	635 112	6.510.488	6.510.488
...
31/12	PC149/12	31/12	Thanh toán tiền nước uống bằng TM	642 111	454.545	454.545
31/12	PC149/12	31/12	Thuế GTGT đầu vào của nước uống	1331 111	45.455	45.455
.....
			Cộng số phát sinh		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.2.4.4

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
....
31/01	PKT03	31/01	Phải trả lương cho nhân viên văn phòng tháng 1	334	70.391.719	
31/01	PKT03	31/01	Các khoản trích theo lương tháng 1	338	16.190.095	
31/01	PKT05	31/01	Trích hao mòn TSCĐ cho bộ phận QLDN	214	34.496.387	
...
05/12	PC12/12	05/12	Thanh toán tiền điện tháng 11	111	592.800	
05/12	PC16/12	05/12	Mua phần mềm diệt virus thanh toán bằng TM	111	600.000	
....
31/12	PC149/12	31/12	Thanh toán tiền nước uống bằng TM	111	454.545	
.....
31/12	PKT67	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		2.127.958.794
			Cộng số phát sinh trong kỳ		2.127.958.794	2.127.958.794
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5 Kế toán chi phí khác:

Chi phí khác phát sinh tại chi nhánh công ty bao gồm: nộp phạt hành chính do mất hóa đơn GTGT, phạt do vi phạm hợp đồng với khách hàng, phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội.

❖ Chứng từ sử dụng

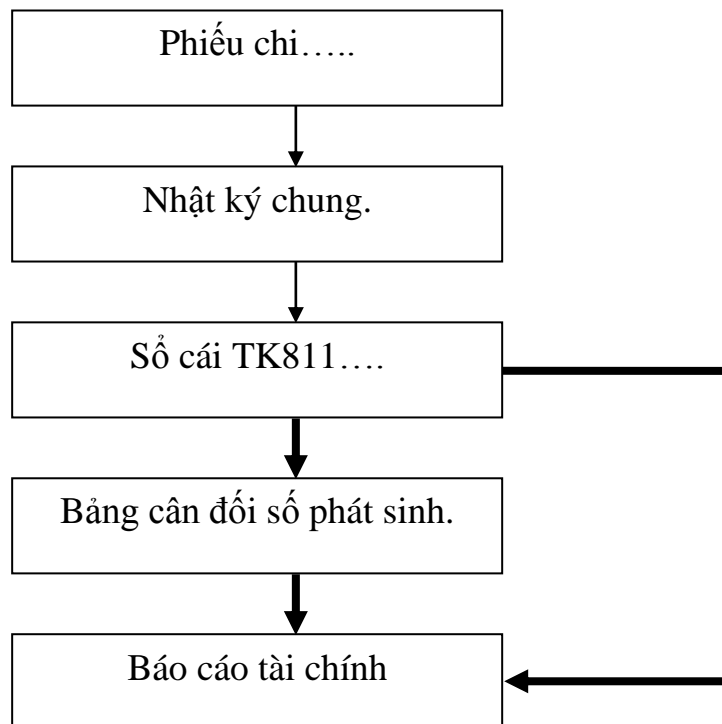
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 811: Chi phí khác
- Và các tài khoản có liên quan: TK111, TK112....

Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán chi phí khác tại Chi nhánh Công ty TNHH

Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.



Ghi chú

→ Ghi hàng ngày

➔ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 811....Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 08/04/2012 chi nhánh công ty nộp phạt hành chính do mất hóa đơn GTGT số tiền 200.000 tại kho bạc nhà nước quận Hải An.

Căn cứ vào Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước (biểu số 2.2.2.5.1) kế toán lập phiếu chi (biểu số 2.2.2.5.2) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.5.3). Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 811(2.2.2.5.4), TK111.

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.2.5.1

Mẫu số: C1- 02/NS

Theo TT số 128/2008/TT-BTC

Ngày 24/12/2008 của BTC

Mã hiệu: HP06281/10

Số : 006792

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚCTiền mặt Chuyển khoản

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Người nộp thuế: Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

Mã số thuế: 0101502895-001

Địa chỉ: KM2+200, Đông Hải 2

Quận: Hải An

Tỉnh, TP: Hải Phòng

Người nộp thay:.....Mã số thuế.....

Địa chỉ:.....

Quận:.....Tỉnh, TP.....

Nộp tiền mặt để chuyển cho KBNN: Kho bạc quận Hải An Tỉnh, TP: HP

Để thu NSNN: Hoặc nộp vào TK tạm giữ số: 921.03.003

Cơ quan quản lý thu: Chi cục thuế quận Hải An Mã số: 1054633

-Cục thuế Thành phố Hải Phòng

Số QĐ: 394

Ngày 08/04/2012

CQ QĐ: CCT Hải An

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Mã ngành KT(K)	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
01	Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế do ngành Thuế thực hiện	754	000	4254	04/2012	200.000
Tổng cộng						200.000

Số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn./

PHẦN KBNN GHI

Mã quỹ: 01

Mã ĐBHC: 002HC

Nợ TK: 501.01.001

Mã KBNN: 0013

Mã nguồn: NS

Có TK: 921.03.003

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN
Ngày 08 tháng 04 năm 2012
Người nộp tiền

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 08 tháng 04 năm 2012
Thủ quỹ Kế toán

Biểu số 2.2.2.5.2

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại

Mẫu số 02-TT

Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 04 năm 2012

Số 28/04

Nợ TK 811: 200.000

Có TK 111: 200.000

Đơn vị nhận tiền: Kho bạc Nhà nước quận Hải An

Địa chỉ: Nguyễn Bình Khiêm – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng.

Lý do chi: Nộp phạt hành chính do mất hóa đơn GTGT

Số tiền: 200.000

Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng chẵn./

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 04 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, Ghi rõ	trưởng	biểu	tiền	(Ký, Ghi rõ
họ tên, đóng	(Ký, Ghi rõ họ	(Ký, Ghi rõ họ	(Ký, Ghi rõ họ	họ tên)
dấu)	tên)	tên)	tên)	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm nghìn đồng chẵn./

Biểu số 2.2.2.5.3

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
08/04	PC28/04	08/04	Nộp phạt hành chính do mất hóa đơn GTGT	811 111	200.000	200.000
.....
02/12	PC08/12	02/12	Mua vít inox thanh toán bằng tiền mặt	152 111	3.040.000	3.040.000
02/12	PC08/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào mua vít inox	1331 111	304.000	304.000
.....
30/12	PT20/12	30/12	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111 112	50.000.000	50.000.000
30/12	GBN80/12	30/12	Trả lãi vay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	635 112	6.510.488	6.510.488
...
31/12	0000131	31/12	Mua sơn chưa thanh toán	152 331	12.511.744	12.511.744
31/12	0000131	31/12	Thuế GTGT đầu vào	1331 331	1.251.174	1.251.174
.....
31/12	PC149/12	31/12	Thanh toán tiền nước uống bằng TM	642 111	454.545	454.545
31/12	PC149/12	31/12	Thuế GTGT đầu vào của nước uống	1331 111	45.455	45.455
.....
			Cộng số phát sinh		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.2.5.4

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch

Mẫu số S03b-DN

Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC)

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 811

Tên tài khoản: Chi phí khác

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
08/04	PC28/04	08/04	Nộp phạt hành chính do mất hóa đơn GTGT	111	200.000	
15/06	PC55/06	15/06	Phạt do vi phạm hợp đồng với công ty TNHH Tiếp vận SITC đã thanh toán bằng TM	111	2.500.000	
31/12	PC140/12	31/12	Phạt do nộp chậm BHXH	111	3.300.545	
31/12	PKT68	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		6.000.545
			Cộng số phát sinh trong kỳ		6.000.545	6.000.545
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

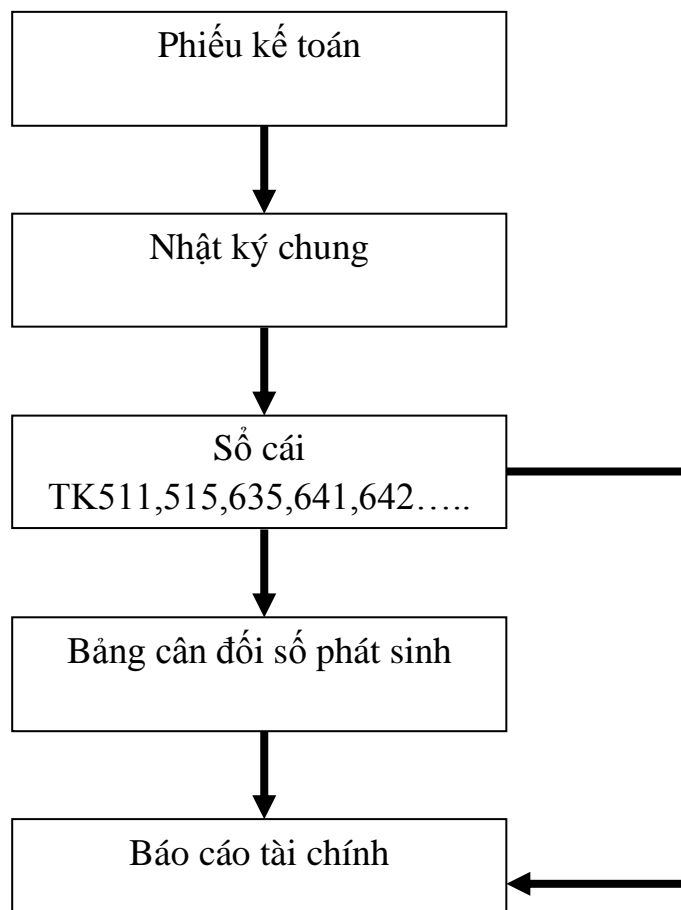
❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK821: Chi phí thuế TNDN
- Và các tài khoản khác có liên quan: TK 333, TK511, TK 632....

Sơ đồ 2.12 : Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.



Cuối năm, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính số thuế TNDN phải nộp. Từ phiếu kế toán, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái các tài khoản có liên quan. Từ Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2012 Kế toán thực hiện tính toán kết chuyển lãi lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2012. Trong đó:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 19.951.084.184**
- **Doanh thu hoạt động tài chính: 24.148.646**
- **Giá vốn hàng bán: 16.527.480.186**
- **Chi phí hoạt động tài chính: 321.168.643**
- **Chi phí bán hàng: 973.596.736**
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp: 2.127.958.794**
- **Thu nhập khác: 181.818.182**
- **Chi phí khác: 6.000.545**

<i>Kết</i>									
<i>quả</i>	<i>Doanh</i>	<i>Giá</i>	<i>Doanh</i>	<i>Chi</i>	<i>Chi</i>	<i>Chi</i>	<i>Thu</i>	<i>Chi</i>	
<i>kinh</i>	= <i>thu</i>	- <i>vốn</i>	+ <i>thu hoạt</i>	- <i>phí tài</i>	- <i>phí</i>	- <i>phí</i>	+ <i>nhập</i>	- <i>phí</i>	
<i>doanh</i>	<i>thuần</i>	<i>doanh</i>	<i>động tài</i>	<i>chính</i>	<i>BH</i>	<i>QL</i>	<i>khác</i>	<i>khác</i>	
			<i>chính</i>			<i>DN</i>			

Kết quả kinh doanh = 19.951.084.184 – 16.527.480.186 + 24.148.646 – 321.168.643 – 973.596.736 – 2.127.958.794 + 181.818.182 – 6.000.545 = 200.846.108

Kết quả kinh doanh = 200.846.108 > 0 → Lãi

Thuế TNDN phải nộp: 200.846.108 * 25% = 50.211.527

Căn cứ vào Phiếu kế toán (biểu số 2.2.3.1 đến biểu 2.2.3.11) kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.3.12). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK911 (biểu số 2.2.3.13) và các sổ cái khác có liên quan. Từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.2.3.1

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 61

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Doanh thu bán hàng	511	911	19.951.084.184
	Tổng			19.951.084.184

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.2

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 62

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	24.148.646
	Tổng			24.148.646

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.3

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 63

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Thu nhập khác	711	911	181.818.182
	Tổng			181.818.182

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.4

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 64

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Giá vốn hàng bán	911	632	16.527.480.186
	Tổng			16.527.480.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.5

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 65

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Chi phí tài chính	911	635	321.168.643
	Tổng			321.168.643

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.6

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 66

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Chi phí bán hàng	911	641	973.596.736
	Tổng			973.596.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.7

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 67

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.127.958.794
	Tổng			2.127.958.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.8

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 68

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Chi phí khác	911	811	6.000.545
	Tổng			6.000.545

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập
phiếu
(Đã ký)**

Biểu số 2.2.3.9

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 69

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	50.211.527
	Tổng			50.211.527

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu
(Đã ký)**

Biểu số 2.2.3.10

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 70

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Chi phí thuế TNDN	911	821	50.211.527
	Tổng			50.211.527

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.11

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội
Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 71

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Lợi nhuận sau thuế	911	421	150.634.581
	Tổng			150.634.581

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu
(Đã ký)

Biểu số 2.2.3.12

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch

Mẫu số S03a-DN

Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT61	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 911	19.951.084.184	19.951.084.184
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515 911	24.148.646	24.148.646
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	181.818.182	181.818.182
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển chi phí	911 632	16.527.480.186	16.527.480.186
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC	911 635	321.168.643	321.168.643
31/12	PKT66	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911 641	973.596.736	973.596.736
31/12	PKT67	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911 642	2.127.958.794	2.127.958.794
31/12	PKT68	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911 811	6.000.545	6.000.545
31/12	PKT69	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821 3334	50.211.527	50.211.527
31/12	PKT70	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	50.211.527	50.211.527
31/12	PKT71	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	150.634.581	150.634.581
			Cộng		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.3.13

**Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch
Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng**
Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 911

Tên TK: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT61	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		19.951.084.184
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		24.148.646
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		181.818.182
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	16.527.480.186	
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	321.168.643	
31/12	PKT66	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	973.596.736	
31/12	PKT67	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	2.127.958.794	
31/12	PKT68	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	6.000.545	
31/12	PKT70	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	50.211.527	
31/12	PKT71	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	150.634.581	
			Cộng số phát sinh trong kỳ		20.157.051.012	20.157.051.012
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.3.14

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ

Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 821

Tên TK: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT69	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	50.211.527	
31/12	PKT70	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		50.211.527
			Cộng số phát sinh trong kỳ		50.211.527	50.211.527
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.3.15

Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch

Mẫu số S03b-DN

Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC)

Km2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 421

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>790.340.975</u>
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT71	31/12	Kết chuyển lãi	911		150.634.581
			Cộng số phát sinh trong kỳ		-	150.634.581
			Số dư cuối kỳ			<u>940.975.556</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: B02/DN
 (Ban hành theo Quyết định số
 15/2006/QĐ-BTC Ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Người nộp thuế: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI
 HÀ NỘI CONTAINER HẢI PHÒNG

Mã số thuế: 0101502895-001

Địa chỉ trụ sở: KM2+200, ĐÔNG HẢI 2

Quận: HẢI AN

Tỉnh/Thành phố: HẢI PHÒNG

Điện thoại:

Fax:

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	19.951.084.184	18.396.695.040
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 – 02)	10		19.951.084.184	18.396.695.040
4	Giá vốn hàng bán	11		16.527.480.186	14.558.029.519
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.423.603.998	3.838.665.521
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		24.148.646	27.091.874
7	Chi phí tài chính	22		321.168.643	311.341.739
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		321.168.643	311.341.739
8	Chi phí bán hàng			973.596.736	875.984.335
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		2.127.958.794	2.402.399.492
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		25.028.471	276.031.829
11	Thu nhập khác	31		181.818.182	98.738
12	Chi phí khác	32		6.000.545	
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		175.817.637	98.738
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	IV.09	200.846.108	276.130.567
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		50.211.527	69.032.642
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		150.634.581	207.097.925

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
 (Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ NỘI CONTAINER HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

3.1.1. Kết quả đạt được:

Qua thời gian thực tập tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại chi nhánh công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán

✓ Bộ máy kế toán của chi nhánh công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý của chi nhánh công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.

✓ Về nhân sự, bộ phận kế toán có ba người gồm một kế toán trưởng, một nhân viên kế toán và một thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại chi nhánh công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (trình độ từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán tại chi nhánh công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.

✓ Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

✚ Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng :

✓ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

✓ Chi nhánh Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

✚ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Chi nhánh công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

✚ Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty .

✓ **Về hạch toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

✓ **Về hạch toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được hạch toán đầy đủ và kịp thời. Chi nhánh công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn là phù hợp với loại hình kinh doanh của chi nhánh công ty.

✓ **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Cuối năm, chi nhánh công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng còn một số mặt hạn chế như sau:

3.1.2.1 Về tài khoản sử dụng

Hiện nay, chi nhánh công ty chưa mở tài khoản cấp 2 cho TK642. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến chi phí QLDN đều hạch toán tương ứng vào TK642 làm cho việc hạch toán chi phí không chi tiết rõ ràng.

3.1.2.2 Về sổ sách sử dụng

✓ Chi nhánh công ty chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 dẫn đến khó theo dõi từng loại chi phí phát sinh liên quan đến chi phí QLDN, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí.

✓ Chi nhánh công ty chưa mở bảng tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng, Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gây khó khăn cho việc đối chiếu với Sổ cái TK511

✓ Chi nhánh công ty chưa mở Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng, Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán gây khó khăn cho việc đối chiếu với Sổ cái TK632.

3.1.2.3 Chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi chi nhánh công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.1.2.4 Chưa trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi

Việc không trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi đồng nghĩa với việc chi nhánh công ty không dự kiến trước được các tổn thất. Do vậy khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra thì chi nhánh công ty khó có thể xử lý kịp thời. Khi đó

tình hình kinh doanh tại chi nhánh công ty sẽ chịu những ảnh hưởng nặng nề hơn với những tổn thất không đáng có, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của chi nhánh công ty. Song nếu trước đó chi nhánh công ty đã có kế hoạch tạo lập các nguồn kinh phí trang trải cho những rủi ro này thì những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của chi nhánh công ty sẽ giảm đi đáng kể. Trong khi đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chi nhánh công ty có những khoản nợ quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên nhưng chi nhánh công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

3.1.2.5 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin

Hiện nay, chi nhánh công ty mới chỉ thực hiện công tác kế toán trên excell nên mất khá nhiều thời gian, công sức, đôi khi còn có sự nhầm lẫn, sai lệch về số liệu và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.1.2.6 Về việc phân tích chi phí kinh doanh

Hiện chi nhánh công ty chưa phân tích chi phí kinh doanh dẫn đến nhà quản trị khó có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho chi nhánh công ty.

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

3.2.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

✓ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

✓ Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

✓ Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

✓ Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.

3.2.2.1 Hoàn thiện tài khoản sử dụng

Chi nhánh công ty nên mở tài khoản cấp 2 cho TK642 sẽ giúp cho việc hạch toán chi phí được chi tiết, rõ ràng. Sau đây em xin mở tài khoản cấp 2 cho TK642 như sau:

- TK642 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”
 - ✓ TK6421 – Chi phí nhân viên quản lý
 - ✓ TK6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
 - ✓ TK6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
 - ✓ TK6425 – Thuế, phí và lệ phí
 - ✓ TK6426 – Chi phí dự phòng
 - ✓ TK6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - ✓ TK6428 – Chi phí bằng tiền khác

3.2.2.2 Hoàn thiện sổ sách sử dụng

➤ Chi nhánh công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại chi nhánh công ty.

☞ Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.2.2.1

Đơn vị:

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ.....

Ngày tháng ghi sổ	Chùng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản....							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						2	3	4	5	6	7	8
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
			-Số dư đầu kỳ									
			-Số phát sinh trong kỳ									
			-Cộng SPS trong kỳ									
			-Ghi Có TK...									
			-Số dư cuối kỳ									

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

☞ Em xin lập sổ như sau:

Biểu số 3.2.2.2

Chi nhánh công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng
 KM2+200, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642
 Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản 642						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
						6421	6423	6424	6425	6427	6428
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7
...
29/11	PC121/11	29/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.324.318		1.324.318				
...
05/12	PC12/12	05/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	111	592.800					592.800	
...
28/12	PC112/12	28/12	Thanh toán tiền thuê phòng, dịch vụ	111	1.581.818						1.581.818

....
30/12	GBN83/12	30/12	Phí chuyển tiền NVL- Việt Tiên	112	53.900				53.900		
31/12	PKT58	31/12	Thanh toán tiền lương T12	334	87.894.063	87.894.063					
....
31/12	PKT60	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	27.409.192			27.409.192			
			Cộng		2.127.958.794	1.068.096.734	62.560.574	228.086.139	68.125.931	151.681.655	549.407.761

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

➤ Chi nhánh công ty nên lập Sổ tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng (biểu số 3.2.2.4) và từ đó lập Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (biểu số 3.2.2.5) để thuận tiện cho việc đối chiếu với Sổ cái TK511.

➤ Chi nhánh công ty nên lập Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng (biểu số 3.2.2.6) từ đó lập Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (biểu số 3.2.2.7) để thuận tiện cho việc đối chiếu với Sổ cái TK632.

Biểu số 3.2.2.4

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG THEO TỪNG MẶT HÀNG

TK 5111: Container

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số hiệu Tài khoản	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51111	Doanh thu bán container 20ft văn phòng	1.703.500.000	1.703.500.000	
2	51112	Doanh thu bán container 20ft văn phòng có toilet	729.400.000	729.400.000	
3	51113	Doanh thu bán container 40ft văn phòng	1.729.400.000	1.729.400.000	
...	
14	511114	Doanh thu bán container 20ft toilet	944.000.000	944.000.000	
15	511115	Doanh thu bán container 40ft toilet	846.000.000	846.000.000	
...	
		Cộng	9.054.040.000	9.054.040.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2.2.5

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Năm 2012

Đơn vị: Đồng

STT	Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	5111	Doanh thu bán container	9.054.040.000	9.054.040.000	
2	5112	Doanh thu thuê container	5.309.167.298	5.309.167.298	
3	5113	Doanh thu sửa chữa container	1.346.827.329	1.346.827.329	
4	5114	Doanh thu vận chuyển container	324.673.285	324.673.285	
...
		Cộng	19.951.084.184	19.951.084.184	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.2.2.6

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN THEO TỪNG MẶT HÀNG

TK 6321: Giá vốn bán Container

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
01	63211	Container 20ft văn phòng	1.113.701.627	1.113.701.627	
02	63212	Container 20ft văn phòng có toilet	545.278.942	545.278.942	
03	63213	Container 40ft văn phòng	1.134.982.531	1.134.982.531	
....	
14	632114	Container 20ft toilet	709.669.922	709.669.922	
...	
		Cộng	6.345.932.495	6.345.932.495	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.2.2.7

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Năm 2012

Đơn vị: Đồng

STT	Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
01	63211	Giá vốn bán Container	6.345.932.495	6.345.932.495	
02	63212	Giá vốn cho thuê Container	4.236.233.173	4.236.233.173	
03	63213	Giá vốn sửa chữa Container	810.146.517	810.146.517	
04	63214	Giá vốn vận chuyển container	294.673.285	294.673.285	
05	63215	Doanh thu PTI container lạnh	491.865.447	491.865.447	
....	
		Cộng	16.527.480.186	16.527.480.186	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.2.3 Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán:

Chi nhánh công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp cho chi nhánh công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

Phương pháp xác định:

✓ Mức chiết khấu thanh toán có thể được chi nhánh công ty xây dựng dựa trên thực tế của chi nhánh công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của Ngân hàng.

✓ Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK635 – Chi phí hoạt động tài chính.

Phương pháp hạch toán:

✓ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635: Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111, 112, 131,...

✓ Cuối kỳ kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK635: Chi phí hoạt động tài chính

3.2.2.4 Về việc lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Đề quán triệt nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Chi nhánh công ty nên tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi. Thực chất của công việc này là cho phép chi nhánh công ty được tính dự phòng bằng cách dành một phần lợi nhuận trong năm chuyển sang năm sau nhằm trang trải nợ phải thu khó đòi có thể phải xử lý trong năm sau, không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của năm sau.

🚧 Điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

✓ Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách hàng nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

✓ Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

✓ Có đủ căn cứ để xác định khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

🚧 Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

✓ Đối với nợ phải thu hoặc quá hạn thanh toán, mức trích lập (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009) như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng < t ≤ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm < t ≤ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm < t ≤ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
> 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

✓ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

✓ Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

✚ Xử lý khoản dự phòng

✓ Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định. Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp không phải trích lập.

✓ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

✓ Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

✚ Phương pháp xác định

✓ Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu).

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \frac{\text{Số \% có khả năng mất}}{100}$$

✚ Tài khoản sử dụng

TK139: Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

✚ Kết cấu tài khoản:

✓ Bên Nợ

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi
- Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

✓ Bên Có

- Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ
- Trình tự lập dự phòng phải thu khó đòi

✚ Trình tự kế toán lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

✓ Cuối kỳ, kế toán doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi) kế toán phải xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập.

✓ Nếu số dự phòng cần trích lập của năm nay lớn hơn số dư của các khoản dự phòng đã trích lập cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được trích lập như sau:

Nợ TK 642:

Có TK 139:

✚ Ngược lại số trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng trích lập của năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn lập như sau:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

✚ Các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định thực sự là không đòi được thì được phép xóa nợ.

Nợ TK 139: Số đã trích lập

Nợ TK 642: Số chưa trích lập

Có TK 138,131:

Đồng thời có ghi Nợ TK 004.

✚ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111,112....

Có TK 711

Đồng thời ghi có TK 004.

Ví dụ: Căn cứ vào báo cáo tình hình công nợ đến ngày 31/12/2012

Biểu số 3.2.2.4.1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2012

STT	Tên khách hàng	Công nợ đến hết ngày 31/12/2012		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
...
09	Công ty 789/BQP77	34.914.000		Quá hạn thanh toán 11 tháng
10	Công ty TNHH Bauer Việt Nam	4.000.000		Quá hạn thanh toán 17 tháng
11	Công ty TNHH Kinden Việt Nam	22.050.000		
12	Công ty TNHH Hoàng Phát	89.950.000		Quá hạn thanh toán 8 tháng
13	Công ty Cổ phần INDECO	3.500.000		Quá hạn thanh toán 28 tháng
14	Công ty TNHH Kukbo Vina	7.260.000		Quá hạn thanh toán 29 tháng
15	Công ty TNHH Vina Flyash and Cement		12.569.240	
16	Công ty TNHH Samson Việt Nam	17.600.000		Quá hạn thanh toán 7 tháng
17	Công ty TNHH Xây dựng Seog woo Việt Nam	9.350.000		Quá hạn thanh toán 11 tháng
18	Công ty TNHH C&P Quảng Ninh	131.932.670		
.....
	Cộng	1.554.710.860		

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

❖ **Dự phòng phải thu khó đòi cần lập năm 2012**

✚ **Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến 1 năm**

- Công ty 789/BQP : $34.914.000 \times 30\% = 10.474.200$ (VND)
- Công ty TNHH Hoàng Phát: $89.950.000 \times 30\% = 26.985.000$ (VND)
- Công ty TNHH Samson Việt Nam:
 $17.600.000 \times 30\% = 5.280.000$ (VND)
- Công ty TNHH Xây dựng Seog woo Việt Nam:
 $9.350.000 \times 30\% = 2.805.000$ (VND)

✚ **Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán từ 1 năm đến 2 năm**

- Công ty TNHH Bauer Việt Nam:
 $4.000.000 \times 50\% = 2.000.000$ (VND)

✚ **Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán từ 2 năm đến 3 năm**

- Công ty Cổ phần INDECO: $3.500.000 \times 70\% = 2.450.000$ (VND)
- Công ty TNHH Kukbo Vina: $7.260.000 \times 70\% = 5.082.000$ (VND)

❖ **Dự phòng phải thu khó đòi trích lập năm 2012:**

$$10.474.200 + 26.985.000 + 5.280.000 + 2.805.000 + 2.000.000 + 2.450.000 + 5.082.000 = 55.076.200 \text{ (VND)}$$

✚ **Kế toán định khoản:**

Nợ TK 6426: 55.076.200

Có TK 139: 55.076.200

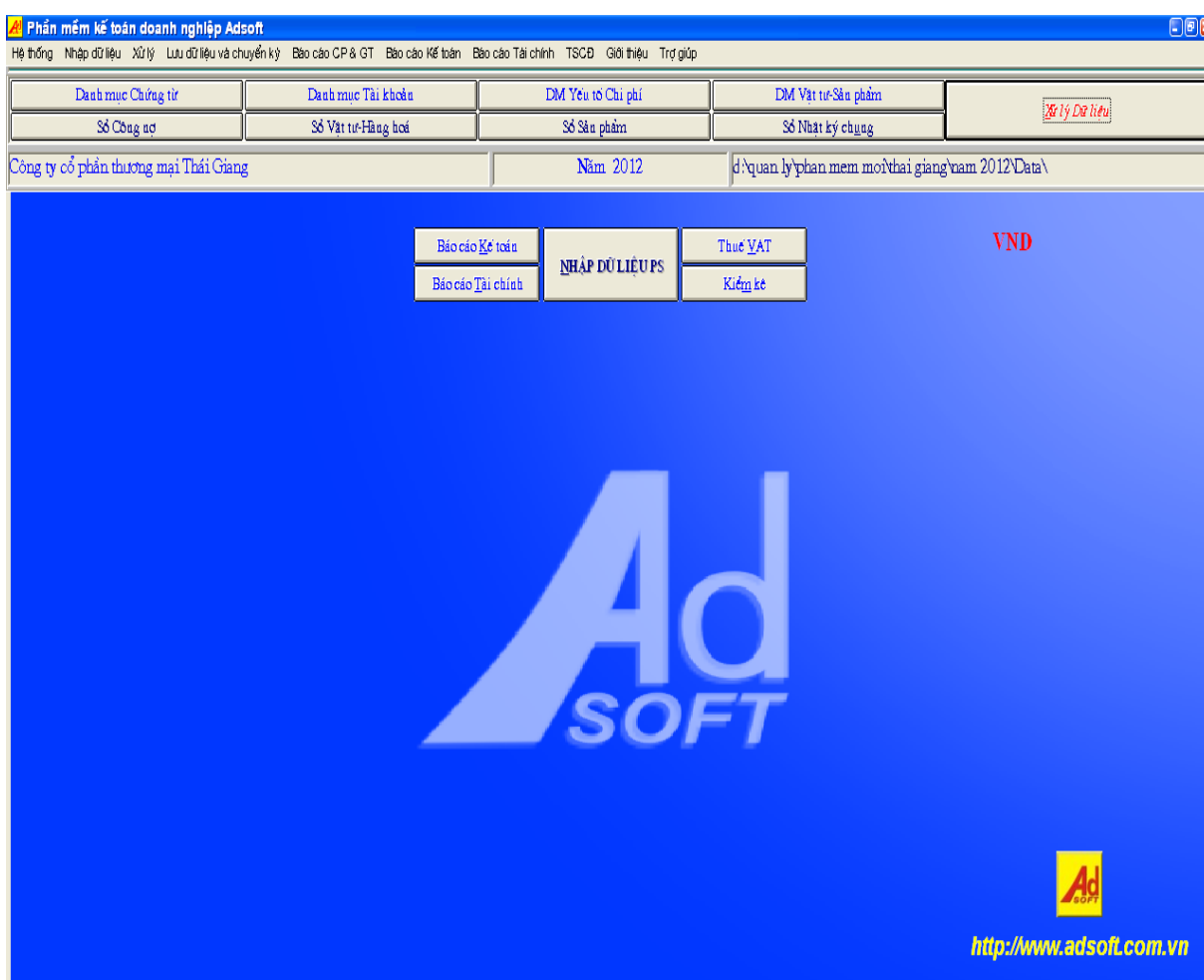
3.2.2.5 Về việc áp dụng phần mềm kế toán:

Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở lên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, chi nhánh công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, làm gia tăng giá trị thương hiệu trong con mắt của đối tác, khách hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, DMA, GAMA, ASOFT, ADSOFT, METADATA, CYBER ACCOUNTING.....Chi nhánh công ty nên tìm hiểu mua và sử dụng.

Sau đây em xin đưa ra giao diện các phần mềm kế toán:

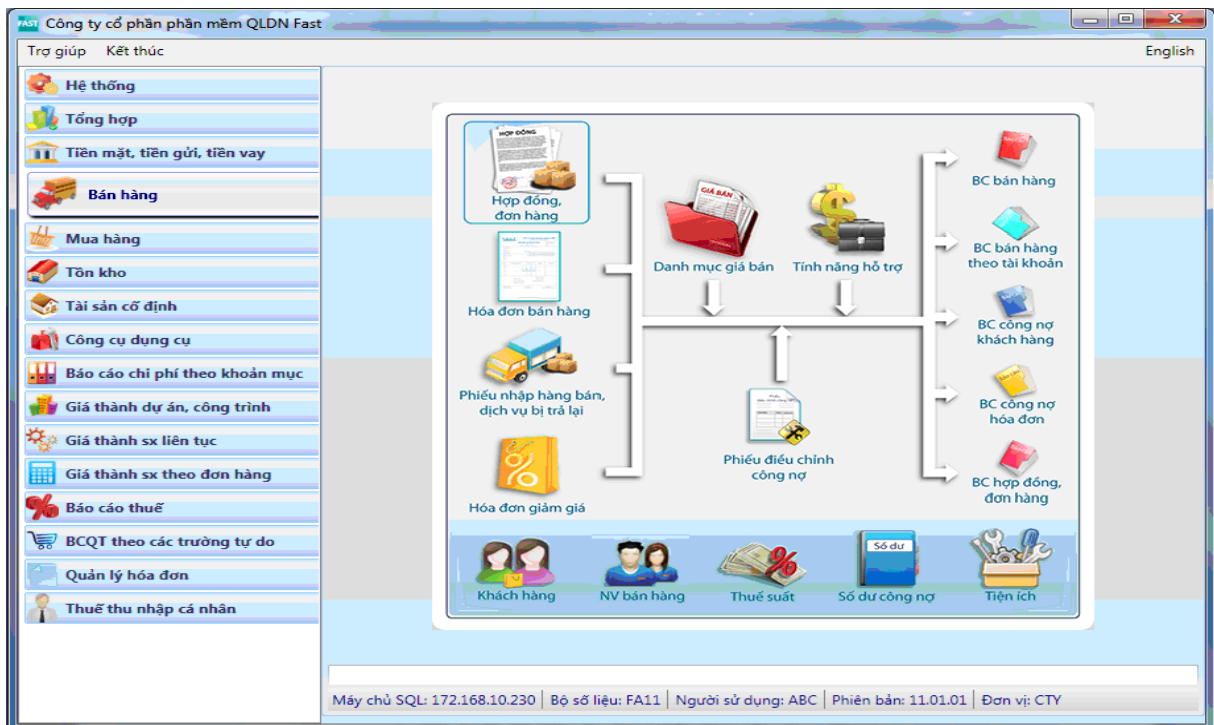
Phần mềm kế toán ADSOFT



Phần mềm kế toán Cyber accounting



Phần mềm kế toán FAST



3.2.2.6 Phân tích chi phí kinh doanh

Chi nhánh Công ty nên phân tích chi phí kinh doanh nhằm giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức từ đó đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho chi nhánh công ty.

Để phân tích chi phí kinh doanh, chi nhánh công ty có thể phân tích tổng chi phí kinh doanh và các khoản mục cấu thành chi phí kinh doanh theo bảng sau:

Bảng 3.2.2.6.1:

BẢNG PHÂN TÍCH TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm N-1</i>		<i>Năm N</i>		<i>Năm N so với Năm N-1</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH						
- Giá vốn hàng bán						
- Chi phí tài chính						
- Chi phí bán hàng						
- Chi phí quản lý doanh nghiệp						

Bảng 3.2.2.6.2

**BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH
CHI PHÍ KINH DOANH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm N-1</i>		<i>Năm N</i>		<i>Năm N so với Năm N-1</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1. Giá vốn hàng bán						
2. Chi phí tài chính						
-Chi phí lãi vay ngân hàng						
-Chi phí tài chính khác						
3. Chi phí bán hàng						
-Chi phí nhân viên bán hàng						
-Chi phí vật liệu, bao bì						
-Chi phí phân bổ						
-Chi phí khấu hao TSCĐ						
-Chi phí dịch vụ mua ngoài						
-Chi phí bằng tiền khác						
4. Chi phí quản lý DN						
- Chi phí nhân viên quản lý						
- Chi phí vật liệu quản lý						
- Chi phí phân bổ						
- Chi phí khấu hao tài sản cố định						
-Thuế, phí và lệ phí						
-Chi phí dịch vụ mua ngoài						

Em xin phân tích tổng chi phí kinh doanh và các khoản mục cấu thành chi phí kinh doanh như sau:

BẢNG PHÂN TÍCH TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2011</i>		<i>2012</i>		<i>2012 so với 2011</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH	18.147.755.085	100	19.950.204.359	100	1.802.449.274	9,932
- Giá vốn hàng bán	14.558.029.519	80.219	16.527.480.186	82.844	1.969.450.667	13.528
- Chi phí tài chính	311.341.739	1.716	321.168.643	1.61	9.826.904	3.156
-Chi phí bán hàng	875.984.335	4.827	973.596.736	4.88	97.612.401	11.143
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.402.399.492	13.238	2.127.958.794	10.666	(274.440.698)	(11.424)

Qua bảng phân tích tổng chi phí kinh doanh nhận thấy tổng chi phí kinh doanh năm 2012 so với năm 2011 tăng **1.802.449.274đ** tương ứng với tỷ lệ tăng **9,932%**. Nguyên nhân do:

- Giá vốn hàng bán tăng 1.969.450.667đ tương ứng với tỷ lệ tăng 13.528%. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do lượng tiêu thụ tăng (Doanh thu tăng 1.554.389.140đ tương ứng với tỷ lệ tăng 8.449% dẫn đến giá vốn hàng bán tăng tương ứng 1.969.450.667đ).

- Chi phí tài chính tăng cũng làm cho tổng chi phí kinh doanh tăng. Nguyên nhân chính là do tăng các khoản chi phí lãi vay.

- Chi phí bán hàng tăng cũng làm cho tổng chi phí kinh doanh tăng. Nguyên nhân chính là do tăng khoản chi phí bằng tiền khác.

Bên cạnh đó thì chi phí quản lý doanh nghiệp bị giảm 274.440.698đ tương đương với giảm 11.424%. Sau đây em xin đưa ra bảng phân tích các khoản mục cấu thành chi phí quản lý doanh nghiệp như sau:

BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH CHI PHÍ
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2011</i>		<i>2012</i>		<i>2012 so với 2011</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Chi phí quản lý DN	2.402.399.492	100	2.127.958.794	100	(274.440.698)	(11.424)
- Chi phí nhân viên quản lý	987.876.551	41.120	1.068.096.734	50.193	80.220.183	0.081205
- Chi phí đồ dùng văn phòng	77.873.244	3.245	62.560.574	2.94	(15.312.670)	(19.664)
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.881.285	13.024	228.086.139	10.719	(84.795.146)	(27.101)
-Thuế. phí và lệ phí	63.441.942	2.641	68.125.931	3.20	4.683.989	7.383
-Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.438.643	9.051	151.681.655	7.128	(65.756.988)	(30.242)
- Chi phí bằng tiền khác	742.887.827	30.924	549.407.761	25.82	(193.480.066)	(26.044)

KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2012 tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung từ đó thấy được một số ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

✓ Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

✓ Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được hạch toán đầy đủ và kịp thời. Chi nhánh Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn là phù hợp với loại hình kinh doanh của chi nhánh công ty.

✓ Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm, chi nhánh công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng còn một số mặt hạn chế như sau:

❖ Về tài khoản sử dụng

Hiện nay chi nhánh công ty chưa mở tài khoản cấp 2 cho TK642 làm cho việc hạch toán chi phí không chi tiết rõ ràng.

❖ Về sổ sách sử dụng: Chi nhánh công ty chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 dẫn đến khó theo dõi từng loại chi phí phát sinh liên quan đến chi phí QLDN, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí.

❖ Chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi chi nhánh công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

❖ Chưa trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi

Việc không trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi đồng nghĩa với việc chi nhánh công ty không dự kiến trước được các tổn thất. Do vậy khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra thì chi nhánh công ty khó có thể xử lý kịp thời. Khi đó tình hình sản xuất kinh doanh tại chi nhánh công ty sẽ chịu những ảnh hưởng nặng nề hơn với những tổn thất không đáng có, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của chi nhánh công ty. Song nếu trước đó chi nhánh công ty đã có kế hoạch tạo lập các nguồn kinh phí trang trải cho những rủi ro này thì những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của chi nhánh công ty sẽ giảm đi đáng kể. Trong khi đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chi nhánh công ty có những khoản nợ quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên nhưng chi nhánh công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

❖ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin

Hiện nay, Chi nhánh công ty mới chỉ thực hiện công tác kế toán trên excell nên mất khá nhiều thời gian, công sức, đôi khi còn có sự nhầm lẫn, sai lệch về số liệu và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ Về việc phân tích chi phí kinh doanh: Hiện chi nhánh công ty chưa phân tích chi phí quản lý kinh doanh dẫn đến nhà quản trị khó có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho chi nhánh công ty.

Đề tài đã đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí

kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng như sau:

❖ Hoàn thiện tài khoản sử dụng

Chi nhánh công ty nên mở tài khoản cấp 2 cho TK642 sẽ giúp cho việc hạch toán chi phí được chi tiết, rõ ràng.

❖ Hoàn thiện sổ sách sử dụng

➤ Chi nhánh công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại chi nhánh công ty.

➤ Chi nhánh công ty nên lập sổ tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng và từ đó lập bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để thuận tiện cho việc đối chiếu với sổ cái TK511.

➤ Chi nhánh công ty nên lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán theo từng mặt hàng từ đó lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán để thuận tiện cho việc đối chiếu với Sổ cái TK632.

- Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán: Chi nhánh công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán

Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp cho chi nhánh công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

- Về việc lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Để quán triệt nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Chi nhánh công ty nên tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi. Thực chất của công việc này là cho phép chi nhánh công ty được tính dự phòng bằng cách dành một phần lợi nhuận trong năm chuyển sang năm sau nhằm trang trải nợ phải thu khó đòi có thể phải xử lý trong năm sau, không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của năm sau.

- Về việc áp dụng phần mềm kế toán:

Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và

xử lý thông tin ngày càng trở lên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, Chi nhánh công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, làm gia tăng giá trị thương hiệu trong con mắt của đối tác, khách hàng và nhà đầu tư.

- Phân tích chi phí kinh doanh: Chi nhánh Công ty nên phân tích chi phí kinh doanh nhằm giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức từ đó đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho chi nhánh công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung đề tài nghiên cứu khoa học “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng”.

Do kiến thức thực tế của bản thân còn hạn chế, cộng với thời gian nghiên cứu có hạn nên đề tài của em không tránh được những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Đặng Thị Loan, Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB đại học kinh tế quốc dân, xuất bản năm 2009
2. PGS.TS Võ Văn Nhị, Kế toán tài chính, NXB tài chính, xuất bản năm 2009
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/BTC ngày 20/03/2006
Quyển I : *Hệ thống tài khoản kế toán*
Quyển II : *Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán.*
Nhà xuất bản: Tài chính
Năm xuất bản: 2006
4. Các trang web: <http://ketoan.org/> ; <http://www.webketoan.vn/> ;
<http://www.danketoan.com>.....
5. Chứng từ, sổ sách năm 2012 của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
01	GTGT	Giá trị gia tăng
02	TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
03	TSCĐ	Tài sản cố định
04	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
05	TK	Tài khoản
06	SP, HH	Sản phẩm, hàng hóa
07	TNHH	Trách Nhiệm Hữu Hạn
08	XDCB	Xây dựng cơ bản
09	BDS	Bất động sản
10	VND	Việt Nam đồng
11	K/c	Kết chuyển
12	QLDN	Quản lí doanh nghiệp
13	TP	Thành phẩm
14	DV	Dịch vụ
15	SHB	Ngân hàng Cổ Phần Thương Mại Sài Gòn – Hà Nội
16	Agribank	Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam
17	NSNN	Ngân sách Nhà Nước
18	LN	Lợi nhuận
19	SXKD	Sản xuất kinh doanh
20	CCDC	Công cụ dụng cụ
21	BTC	Bộ tài chính
22	PP	Phương pháp
23	Ft	Feet
24	Vp	Văn phòng
25	XD	Xác định

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.2 Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
<i>1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.</i>	<i>5</i>
<i>1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>5</i>
<i>1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>16</i>
<i>1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>19</i>
1.2.2 Tổ chức kế toán chi phí.....	23
<i>1.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>30</i>
<i>1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính</i>	<i>34</i>
<i>1.2.2.4 Kế toán chi phí khác.....</i>	<i>37</i>
<i>1.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>39</i>
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	42
1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	45
1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	45
<i>1.4.1. Hình thức Nhật ký chung:</i>	<i>45</i>
<i>1.4.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái</i>	<i>47</i>
<i>1.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:</i>	<i>48</i>
<i>1.4.4. Hình thức Nhật ký – chứng từ:</i>	<i>49</i>
<i>1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:</i>	<i>50</i>
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY	

TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ NỘI CONTAINER HẢI PHÒNG	51
2.1 Khái quát chung về Chi nhánh công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.	51
<i>2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.</i>	<i>51</i>
<i>2.1.2 Đặc điểm kinh doanh của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.</i>	<i>53</i>
<i>2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.</i>	<i>53</i>
<i>2.1.4 Đặc điểm của tổ chức công tác kế toán tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.</i>	<i>55</i>
<i>2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.</i>	<i>55</i>
<i>2.1.4.2 Hình thức kế toán, chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.....</i>	<i>57</i>
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.	59
<i>2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.....</i>	<i>59</i>
<i>2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.</i>	<i>59</i>
<i>2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>69</i>
<i>2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>74</i>
<i>2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.</i>	<i>80</i>
<i>2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán</i>	<i>80</i>
<i>2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....</i>	<i>88</i>
<i>2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng</i>	<i>93</i>
<i>2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>99</i>
<i>2.2.2.5 Kế toán chi phí khác:.....</i>	<i>105</i>
2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	111

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ NỘI CONTAINER HẢI PHÒNG	123
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.	123
<i>3.1.1. Kết quả đạt được:</i>	<i>123</i>
<i>3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán</i>	<i>123</i>
<i>3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>124</i>
3.1.2 Hạn chế:	125
<i>3.1.2.1 Về tài khoản sử dụng</i>	<i>125</i>
<i>3.1.2.2 Về sổ sách sử dụng</i>	<i>125</i>
<i>3.1.2.3 Chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:</i>	<i>125</i>
<i>3.1.2.4 Chưa trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>125</i>
<i>3.1.2.5 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin</i>	<i>126</i>
<i>3.1.2.6 Về việc phân tích chi phí kinh doanh</i>	<i>126</i>
3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.	126
<i>3.2.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:</i>	<i>126</i>
<i>3.2.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hà Nội Container Hải Phòng.</i>	<i>127</i>
<i>3.2.2.1 Hoàn thiện tài khoản sử dụng</i>	<i>127</i>
<i>3.2.2.2 Hoàn thiện sổ sách sử dụng</i>	<i>127</i>
<i>3.2.2.3 Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán:</i>	<i>135</i>
<i>3.2.2.4 Về việc lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.</i>	<i>135</i>
<i>3.2.2.5 Về việc áp dụng phần mềm kế toán:</i>	<i>141</i>
<i>3.2.2.6 Phân tích chi phí kinh doanh</i>	<i>143</i>
KẾT LUẬN	148

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	152
-------------------------	-----